

## LỜI MỞ ĐẦU

Trong bối cảnh nền kinh tế nước ta hiện nay, Việt Nam đã trở thành thành viên chính thức của Tổ chức thương mại Thế giới WTO, điều này mở ra rất nhiều cơ hội mới cho nền kinh tế Việt Nam nhưng cũng không ít thách thức mới đối với các doanh nghiệp trong nước. Nó đặt các doanh nghiệp vào cuộc cạnh tranh gay gắt trên thương trường. Các doanh nghiệp đứng trước hai khả năng hoặc là phá sản hoặc là phát triển bền vững. Bởi vậy, các doanh nghiệp trong nước luôn phải cố gắng tìm mọi biện pháp để nâng cao chất lượng sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ nhằm tăng khả năng cạnh tranh trên thị trường.

Vậy dựa vào đâu để có thể biết được một doanh nghiệp là đang phát triển, có khả năng phát triển hoặc đứng trước nguy cơ phá sản? chính là thông qua các con số về tình hình tài chính của doanh nghiệp. Những thông tin này chỉ có kế toán mới thu thập, tổng hợp và cung cấp được. Quả vậy, thông qua hệ thống báo cáo tài chính do kế toán cung cấp, ta có thể biết được tình hình tài chính của doanh nghiệp như thế nào. Đồng thời, đó cũng là cơ sở để cơ quan thuế, các đối tác làm ăn và các tổ chức tài chính xem xét làm việc và hợp tác.

Việc tổ chức hạch toán kế toán của doanh nghiệp có nhiều khâu quan trọng, trong đó công tác tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là một khâu cơ bản của hạch toán kế toán. Bởi nó cho biết sản phẩm của doanh nghiệp tiêu thụ như thế nào? Chi phí trong quá trình sản xuất và tiêu thụ sản phẩm ra sao? Và kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ doanh nghiệp đạt được. Những thông tin từ đây giúp cho các nhà quản trị đưa ra đối sách phù hợp.

Qua thời gian thực tế tìm hiểu công tác kế toán tại đơn vị thực tập, em đã hiểu sâu hơn về công tác kế toán như thế nào và tầm quan trọng của nó. Từ kiến thức em đã được học và thực tế tìm hiểu, em quyết định chọn đề tài: “ Hoàn thiện công tác tổ chức kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Trung Đức” cho bài khoá luận của mình.

Nội dung của khoá luận được trình bày trong 3 chương:

CHƯƠNG 1: MỘT SỐ LÝ LUẬN VỀ TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP

CHƯƠNG 2 : THỰC TẾ TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH TRUNG ĐỨC.

CHƯƠNG 3 : MỘT SỐ BIỆN PHÁP HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH TRUNG ĐỨC.

Với kiến thức, kinh nghiệm và sự hiểu biết về công ty còn hạn chế chắc chắn bài viết của em không tránh khỏi thiếu sót. Vì vậy, em mong được sự góp ý trao đổi kiến thức của các thầy cô giáo và các anh chị kế toán của công ty nhằm giúp khoá luận của em được hoàn thiện hơn.

**Em xin chân thành cảm ơn!**

# **CHƯƠNG 1**

## **MỘT SỐ LÝ LUẬN VỀ TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP**



### **1.1. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP**

#### **1.1.1. Sự cần thiết phải tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.**

Để quản lý tốt cho hoạt động sản xuất kinh doanh nói chung cũng như doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng, có nhiều công cụ khác nhau trong đó kế toán là công cụ hữu hiệu. Tổ chức công tác kế toán khoa học hợp lý là một trong những cơ sở cung cấp thông tin quan trọng nhất cho việc chỉ đạo điều hành sản xuất kinh doanh có hiệu quả. Để công cụ kế toán phát huy hết vai trò của mình đòi hỏi doanh nghiệp phải không ngừng cải tiến và hoàn thiện hơn nữa công tác kế toán nói chung cũng như kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng. Việc tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh đối với doanh nghiệp là một việc hết sức cần thiết. Đây là một khâu cơ bản của hoạch toán kế toán bởi trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh, doanh nghiệp cần phải nắm được tình hình chi phí bỏ ra như thế nào, doanh thu thu được từ hoạt động kinh doanh và cuối cùng là kết quả của việc bỏ chi phí đầu tư vào sản xuất kinh doanh ra sao. Từ đó giúp nhà quản lý đề ra kế hoạch, chiến lược nhằm đẩy mạnh hoạt động sản xuất kinh doanh hiệu quả hơn.

#### **1.1.2. Nguyên tắc hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh**

##### *1.1.2.1. Nguyên tắc hạch toán doanh thu*

###### *a. Khái niệm*

Trong hoạt động kinh doanh, để tạo ra được hàng hoá, dịch vụ, các doanh nghiệp phải dùng tiền để mua sắm nguyên nhiên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ... để tiến hành sản xuất, tạo ra sản phẩm và các dịch vụ, tiến hành tiêu thụ và thực hiện các dịch vụ và thu tiền về, tạo nên doanh thu của doanh nghiệp.

Ngoài phần doanh thu do tiêu thụ những sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất ra, còn bao gồm những khoản doanh thu do các hoạt động khác mang lại. Từ góc độ của doanh nghiệp để xem xét, có thể thấy rằng doanh thu của doanh nghiệp là toàn bộ các khoản tiền thu được từ các hoạt động kinh doanh và các hoạt động khác mang lại.

Ngoài phần doanh thu do tiêu thụ những sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất ra, còn bao gồm những khoản doanh thu do các hoạt động khác mang lại, từ góc độ của doanh nghiệp để xem xét, có thể thấy rằng doanh thu của doanh nghiệp là toàn bộ các khoản thu được từ các hoạt động kinh doanh và các hoạt động khác mang lại

Nội dung doanh thu của doanh nghiệp bao gồm:

✱ ***Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:***

Doanh thu là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu. Doanh thu chỉ bao gồm tổng giá trị của các lợi ích kinh tế doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được.

Doanh thu bán hàng của được ghi nhận khi đồng thời thoả mãn tất cả năm điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá cho người mua.
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hoá như người sở hữu hàng hoá hoặc quyền kiểm soát hàng hoá.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

☞ *Thời điểm ghi nhận doanh thu bán hàng*

Khi hàng được xác định đã tiêu thụ, thời điểm đó được quy định như sau:

- Với phương thức bán buôn qua kho, bán buôn vận chuyển thẳng theo hình thức giao hàng trực tiếp thì thời điểm đã tiêu thụ là bên mua đã ký nhận đủ hàng; bên mua đã thanh toán tiền hàng hoặc nhận nợ.
- Với hình thức bán buôn qua kho . bán buôn vận chuyển thẳng theo hình thức chuyển hàng thì thời điểm xác nhận tiêu thụ là bên bán hàng đã chuyển hàng tới địa điểm mua; bên bán đã thu tiền hàng hoặc bên mua đã nhận nợ
- Với phương thức bán hàng đại lý ký gửi, khi người đại lý ký gửi thanh toán tiền hàng hoặc chấp nhận thanh toán hoặc họ thông báo hàng đã bán được.

☞ *Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng thuần mà doanh nghiệp thu được (doanh thu thuần) có thể thấp hơn doanh thu bán hàng. Doanh thu thuần là khoản chênh lệch giữa doanh thu bán hàng và các khoản giảm trừ doanh thu, bao gồm:

- Chiết khấu thương mại là khoản doanh nghiệp bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn. Khoản giảm giá có thể phát sinh trên khối lượng từng lô hàng mà khách hàng đã mua, cũng có thể phát sinh trên tổng khối lượng hàng lũy kế mà khách hàng đã mua trong một quãng thời gian nhất định tùy thuộc vào chính sách chiết khấu thương mại của bên bán.
- Giảm giá hàng bán là khoản giảm trừ cho người mua do toàn bộ do toàn bộ hay một phần hàng hoá kém phẩm chất, sai quy cách hoặc lạc hậu thị hiếu. Như vậy giảm giá hàng bán và chiết khấu thương mại có cùng bản

chất như nhau: đều là giảm giá cho người mua, song lại phát sinh trong hai tình huống khác nhau hoàn toàn.

- Giá trị hàng bán bị trả lại là giá trị khối lượng hàng bán đã xác định là tiêu thụ bị khách hàng trả lại và từ chối thanh toán do các nguyên nhân như: vi phạm cam kết; vi phạm hợp đồng kinh tế; hàng bị mất, kém phẩm chất; không đúng chủng loại, quy cách. Khi doanh nghiệp ghi nhận trị giá hàng bán bị trả lại cần đồng thời ghi giảm tương ứng trị giá vốn hàng bán trong kỳ.
- Thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu, thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp là các khoản thuế được xác định trực tiếp trên doanh thu bán hàng theo quy định hiện hành của luật thuế tùy thuộc vào từng mặt hàng khác nhau. Thuế tiêu thụ đặc biệt ( trường hợp được coi là một trong những khoản giảm trừ doanh thu) phát sinh khi doanh nghiệp cung cấp các loại sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất ( hoặc các loại dịch vụ) thuộc đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt cho khách hàng. Khi đó doanh thu bán hàng được ghi nhận trong kỳ theo giá bán trả ngay đã bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt (chưa bao gồm thuế GTGT). Doanh nghiệp phải xác định phần thuế tiêu thụ đặc biệt phải nộp vào ngân sách Nhà nước căn cứ vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ.

#### *☞ Các phương thức bán hàng*

Quá trình bán hàng là quá trình thực hiện trao đổi thông qua các phương tiện thanh toán để thực hiện giá trị của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ... trong đó doanh nghiệp chuyên giao sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ cho khách hàng, còn khách hàng phải trả cho doanh nghiệp khoản tiền tương ứng với giá bán của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ theo giá quy định hoặc thoả thuận. Thời điểm xác định doanh thu bán hàng sẽ tùy thuộc vào từng phương thức bán hàng và phương thức thanh toán tiền bán hàng. Tuy nhiên, tùy thuộc vào đặc điểm sản phẩm, hàng hoá tiêu thụ mà doanh nghiệp có thể sử dụng một trong các phương thức bán hàng sau:

- Bán hàng theo phương thức xuất kho gửi hàng đi bán: theo phương thức này, doanh nghiệp xuất kho thành phẩm, hàng hoá gửi đi bán cho khách hàng theo hợp đồng ký kết giữa hai bên. Khi hàng xuất kho gửi đi bán thì hàng chưa xác định là tiêu thụ. Hàng gửi đi bán chỉ hạch toán vào doanh thu khi doanh nghiệp đã nhận được tiền bán hàng do khách hàng trả. Khách hàng đã nhận được hàng và chấp nhận thanh toán, khách hàng đã ứng trước tiền mua hàng về số hàng gửi đi bán.
- Phương thức bán hàng bên mua đến nhận hàng trực tiếp: theo phương thức này, căn cứ vào hợp đồng mua bán đã được ký kết, bên mua cử cán bộ đến nhận hàng tại kho của doanh nghiệp. Khi nhận hàng xong người nhận hàng ký xác nhận vào hoá đơn bán hàng và hàng đó được xác định là tiêu thụ.
- Phương thức bán hàng giao thẳng ( không qua kho) : chủ yếu áp dụng ở các doanh nghiệp thương mại. Theo phương thức này doanh nghiệp mua hàng của nhà cung cấp bán thẳng cho khách hàng không qua kho của doanh nghiệp. Ở đây nghiệp vụ mua bán xảy ra đồng thời.
- Phương thức bán lẻ hàng và bán các dịch vụ, lao vụ: theo phương thức này, sản phẩm hàng hoá được bán trực tiếp cho người tiêu dùng và thu tiền ngay.

**✳ *Doanh thu hoạt động tài chính***

Doanh thu về các hoạt động tài chính bao gồm những khoản thu do hoạt động đầu tư tài chính hoặc kinh doanh về vốn mang lại như: tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia, khoản lãi về chênh lệch tỷ giá hối đoái và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

**✳ *Thu nhập khác***

Thu nhập khác là những khoản thu mà doanh nghiệp không dự tính trước được hoặc có dự tính đến nhưng ít có khả năng thực hiện, hoặc là những khoản không mang tính chất thường xuyên như: doanh thu về thanh lý, nhượng bán tài

sản cố định, giá trị các vật tư, tài sản thừa trong sản xuất; các khoản nợ vãng chủ hay nợ không ai đòi, hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho, nợ khó đòi, tiền được phạt, thu chuyển quyền sở hữu trí tuệ...

*b. Nguyên tắc hạch toán*

Đối với sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là giá bán chưa có thuế GTGT; Đối với sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ không thuộc diện chịu thuế GTGT hoặc chịu thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là tổng giá thanh toán trừ thuế GTGT phải nộp được tính theo phương pháp trực tiếp; Đối với sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt, hoặc thuế xuất khẩu thì doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là giá bán sản phẩm, hàng hoá, giá cung cấp dịch vụ ( bao gồm cả thuế tiêu thụ đặc biệt, hoặc thuế xuất khẩu).

Những doanh nghiệp nhận gia công vật tư, hàng hoá thì chỉ phản ánh vào doanh thu bán hàng hoá và cung cấp dịch vụ số tiền gia công thực tế được hưởng, không bao gồm giá trị vật tư, hàng hoá nhận gia công; Đối với hàng hoá nhận bán đại lý, ký gửi theo phương thức bán đúng giá hưởng hoa hồng thì hạch toán vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ phần hoa hồng bán hàng mà doanh nghiệp được hưởng; Trường hợp bán hàng theo phương thức trả góp thì doanh nghiệp ghi nhận doanh thu bán hàng theo giá bán trả ngay và ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính về phần lãi tính trên khoản phải trả nhưng trả chậm phù hợp với thời điểm ghi nhận doanh thu được xác nhận.

Những sản phẩm, hàng hoá được xác định là tiêu thụ, nhưng vì lý do về chất lượng, về quy cách kỹ thuật... người mua từ chối thanh toán, gửi trả lại người bán hoặc yêu cầu giảm giá và được doanh nghiệp chấp nhận; hoặc người mua mua hàng với khối lượng lớn được chiết khấu thương mại thì các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng này được theo dõi riêng biệt trên các tài khoản như tài khoản “ Chiết khấu thương mại”, tài khoản “ Hàng bán bị trả lại” và tài khoản “ Giảm giá hàng bán”.



Đối với trường hợp cho thuê tài sản, có nhận trước tiền cho thuê của nhiều năm thì doanh thu cung cấp dịch vụ ghi nhận của năm tài chính là số tiền cho thuê được xác định trên cơ sở lấy toàn bộ tổng số tiền thu được chia cho số năm cho thuê tài sản.

Kế toán doanh thu bán hàng nội bộ được thực hiện như quy định đối với doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, nghĩa là chỉ phản ánh vào doanh thu nội bộ số doanh thu của khối lượng sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ của các đơn vị thành viên cung cấp lẫn cho nhau. Doanh thu bán hàng nội bộ là cơ sở để xác định kết quả kinh doanh nội bộ của các đơn vị thành viên.

Việc ghi nhận một khoản doanh thu phải tương ứng với nó là một khoản chi phí hợp lý tạo ra doanh thu đó.

#### *1.1.2.2. Nguyên tắc hạch toán chi phí*

##### *a. Khái niệm*

Chi phí nói chung là sự hao phí thể hiện bằng tiền trong quá trình kinh doanh với mong muốn mang về một sản phẩm, dịch vụ hoàn thành hoặc một kết quả kinh doanh nhất định. Chi phí phát sinh trong các hoạt động sản xuất, thương mại, dịch vụ nhằm đến việc đạt được mục tiêu cuối cùng của doanh nghiệp: *doanh thu* và *lợi nhuận*. Tuy nhiên, chi phí được phân loại dựa trên nhiều góc nhìn khác nhau và sự phân loại chi phí như vậy không nhằm ngoài mục đích phục vụ nhu cầu *quản trị doanh nghiệp*.

Đặc điểm kinh doanh ngành thương mại - dịch vụ cho ta thấy chi phí phát sinh đa dạng và phức tạp. Chi phí kinh doanh các ngành thương mại dịch vụ bao gồm: Trị giá vốn hàng hoá tiêu thụ, chi phí lưu thông hàng hoá, những khoản chi phí phát sinh liên quan đến việc đầu tư vốn ra ngoài doanh nghiệp như liên doanh, liên kết, mua cổ phiếu và các khoản thuế phải nộp.

##### **✳ *Giá vốn hàng bán***

Giá vốn hàng bán là giá trị thực tế xuất kho của số sản phẩm, hàng hoá (hoặc gồm cả chi phí mua hàng phân bổ cho hàng hoá đã bán ra trong kỳ đối với doanh

ngiệp thương mại), hoặc là giá thành thực tế lao vụ, dịch vụ hoàn thành và đã được xác định là tiêu thụ và các khoản chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh được tính vào giá vốn hàng bán để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ.

***\* Chi phí bán hàng***

Chi phí bán hàng là toàn bộ các chi phí có liên quan đến việc tiêu thụ sản phẩm, hàng hoá của doanh nghiệp, bao gồm: Chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển; chi phí chào hàng, giới thiệu, quảng cáo; chi phí hoa hồng đại lý, chi phí bảo hành sản phẩm; chi phí nhân viên bán hàng; chi phí dụng cụ, đồ dùng, khấu hao TSCĐ phục vụ bán hàng; chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác.

***\* Chi phí quản lý doanh nghiệp***

Chi phí quản lý doanh nghiệp là các chi phí có liên quan chung tới toàn bộ hoạt động quản lý điều hành chung của doanh nghiệp, bao gồm: các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ phục vụ quản lý văn phòng; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác.

***\* Chi phí hoạt động tài chính***

Chi phí tài chính phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, như chi phí tiền lãi vay, và những chi phí liên quan đến hoạt động cho các bên khác sử dụng tài sản sinh ra lợi tức, tiền bản quyền,... Những chi phí này phát sinh dưới dạng tiền và các khoản tương đương tiền.

Nội dung chi phí hoạt động tài chính bao gồm:

- Các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính.
- Chi phí cho vay và đi vay vốn.
- Chi phí góp vốn liên doanh.

- Lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán, ...
- Khoản nhập và hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán và đầu tư khác.
- Khoản lỗ về chênh lệch tỷ giá ngoại tệ và bán ngoại tệ, ...

**✳ *Chi phí khác***

Chi phí khác là những khoản lỗ do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của doanh nghiệp gây ra; cũng có thể là những khoản chi phí bị bỏ sót từ những năm trước.

Nội dung của chi phí khác phát sinh bao gồm:

- Chi phí thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý, nhượng bán tài sản cố định (nếu có).
- Tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế.
- Bị phạt thuế, truy nộp thuế.
- Các khoản chi phí do kê toán bị nhầm, hoặc bỏ sót khi ghi sổ kế toán.
- Các khoản chi phí khác.

**✳ *Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp***

Thuế thu nhập doanh nghiệp là loại thuế trực thu, thu trên kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh cuối cùng của doanh nghiệp.

Căn cứ tính thuế thu nhập doanh nghiệp là thu nhập chịu thuế trong kỳ tính thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp

Thu nhập chịu thuế trong kỳ bao gồm thu nhập từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ và thu nhập khác.

Phương pháp tính thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN):

**Thuế TNDN phải nộp = Thu nhập chịu thuế \* Thuế suất thuế TNDN.**

*b. Nguyên tắc hạch toán*

Các khoản chi phí được tập hợp để xác định kết quả kinh doanh cuối kỳ kế toán của doanh nghiệp bao gồm: Chi phí giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí tài chính và chi phí khác.

Hạch toán chi tiết từng nội dung chi phí theo quy định của Nhà nước. Tùy theo đặc điểm kinh doanh, yêu cầu quản lý của từng ngành, từng doanh nghiệp cụ thể mà có thể mở thêm một số nội dung chi phí khác, nhằm giúp cho nhà quản trị có thể theo dõi và kiểm tra sự phát sinh chi phí.

*c. Phương pháp xác định giá vốn hàng bán*

Giá vốn hàng hoá xuất kho có thể được xác định theo một trong các phương pháp sau:

**❶ Phương pháp giá đơn vị bình quân:**

<b>Trị giá thực tế hàng xuất kho</b>	<b>=</b>	<b>Số lượng xuất kho</b>	<b>x</b>	<b>Giá đơn vị bình quân gia quyền</b>
--	----------	------------------------------	----------	---

Giá đơn vị bình quân có thể được tính theo một trong hai cách sau:

- ✓ Giá đơn vị bình quân cả kỳ dự trữ: Theo cách này, cuối kỳ kế toán mới tiến hành xác định đơn giá bình quân theo công thức:

<i>Đơn giá bình quân cả kỳ dự trữ</i>	<b>=</b>	<i>Trị giá hàng tồn đầu kỳ</i>	<b>+</b>	<i>Trị giá hàng nhập trong kỳ</i>
		<i>Số lượng hàng tồn đầu kỳ</i>	<b>+</b>	<i>số lượng hàng nhập trong kỳ</i>

- ✓ Giá đơn vị bình quân liên hoàn (Bình quân sau mỗi lần nhập): Theo phương pháp này, sau mỗi lần nhập kế toán phải xác định đơn giá bình quân sau lần nhập đó, theo công thức:

<i>Đơn giá bình quân sau mỗi lần nhập</i>	=	<i>Trị giá hàng tồn sau mỗi lần nhập</i>
		<i>Số lượng hàng tồn sau mỗi lần nhập</i>

**② Phương pháp nhập trước, xuất trước:**

Theo phương pháp này, hàng nào nhập về trước sẽ được xuất ra trước, xuất hết số nhập trước mới đến số nhập sau ( hàng tồn đầu kỳ được coi là lần nhập đầu tiên).

**③ Phương pháp nhập sau, xuất trước:**

Theo phương pháp này, hàng nào nhập về sau sẽ được xuất ra trước, xuất hết số nhập sau mới đến số nhập liền kề trước nó.

**④ Phương pháp thực tế đích danh (Giá theo từng hoá đơn riêng biệt bất kỳ):**

Khi xuất kho mặt hàng nào thì lấy theo giá của chính mặt hàng đó.

**1.1.2.3. Xác định kết quả kinh doanh**

**a. Khái niệm**

Sau một kỳ kế toán, cần xác định kết quả của hoạt động kinh doanh trong kỳ với yêu cầu chính xác và kịp thời. Chú ý tới nguyên tắc phù hợp khi ghi nhận giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ hạch toán.

Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh: là số chênh lệch giữa doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ; doanh thu hoạt động tài chính và trị giá vốn hàng bán; chi phí bán hàng; chi phí quản lý doanh nghiệp và chi phí tài chính.

Lợi nhuận khác: là số chênh lệch giữa thu nhập khác và chi phí khác.

Lợi nhuận trước thuế: Tổng số lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh và lợi nhuận khác.

Lợi nhuận sau thuế ( Lợi nhuận ròng hay lãi ròng) : Là phần lợi nhuận còn lại sau khi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho ngân sách Nhà nước.

*b. Nguyên tắc hạch toán*

Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh và lợi nhuận khác.

Trên tài khoản này cần phải phản ánh đầy đủ, chính xác các khoản kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ hạch toán theo đúng quy định của chế độ quản lý tài chính.

Kết quả hoạt động kinh doanh phải được hạch toán chi tiết theo từng loại hoạt động như hoạt động sản xuất, chế biến; hoạt động kinh doanh thương mại, hoạt động dịch vụ; hoạt động tài chính; hoạt động khác;... Trong từng loại hoạt động kinh doanh, có thể được hạch toán chi tiết cho từng loại sản phẩm, từng ngành, từng loại dịch vụ, ...( nếu có nhu cầu).

Các khoản doanh thu và thu nhập được kết chuyển vào tài khoản 911 để xác định kết quả kinh doanh là số doanh thu thuần và thu nhập thuần.

**1.1.3. Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh**

Việc ghi chép phản ánh đúng các khoản chi phí, doanh thu rất quan trọng. Bởi nếu không phản ánh đúng, đủ các khoản chi phí phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh sẽ rất khó khăn cho nhà quản trị trong việc quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh. Hơn nữa, việc phản ánh các khoản chi phí còn ảnh hưởng tới kết quả kinh doanh trong kỳ của doanh nghiệp, nó có thể làm giảm lợi nhuận của doanh nghiệp, mà kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp còn thể hiện nghĩa vụ của doanh nghiệp đối với Nhà nước. Vì vậy, kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh cần thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ để cung cấp thông

tin kịp thời và chính xác cho người quản lý trong ngoài đơn vị đưa ra được các quyết định hữu hiệu, đó là:

- Phản ánh kịp thời, chính xác các khoản chi phí phát sinh trong kỳ và hạch toán chi tiết từng nội dung chi phí theo quy định phù hợp với yêu cầu quản lý.
- Phản ánh kịp thời, chính xác các khoản doanh thu, thu nhập, các khoản làm giảm doanh thu phát sinh trong kỳ. Và việc ghi nhận này phải tuân thủ nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.
- Cuối kỳ kết chuyển các khoản doanh thu và chi phí hợp lý vào tài khoản 911 để xác định kết quả kinh doanh và các khoản phải nộp Nhà nước. Đảm bảo cung cấp thông tin về kết quả hoạt động kinh doanh cho nhà quản trị đầy đủ, kịp thời và chính xác.

## **1.2. NỘI DUNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP.**

### **1.2.1. Tổ chức kế toán doanh thu và thu nhập**

#### *1.2.1.1. Chứng từ sử dụng*

Doanh thu thể hiện việc doanh nghiệp bán sản phẩm, hàng hoá hoặc cung cấp dịch vụ. Do đó, các chứng từ đi kèm làm căn cứ ghi sổ bao gồm:

- Hoá đơn bán hàng thông thường, Hoá đơn GTGT
- Phiếu xuất kho
- Phiếu thu để ghi nhận các khoản thu bằng tiền
- Giấy báo có của ngân hàng
- Các chứng từ khác liên quan (nếu có)

#### *1.2.1.2. Tài khoản sử dụng*

✓ *Tài khoản 511 “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ” dùng để phản ánh doanh thu bán hàng thực tế của doanh nghiệp thực hiện trong một kỳ kế toán của hoạt động sản xuất kinh doanh.*

**Tài khoản 511 “Doanh thu bán hàng”**

---

<p>Số thuế tiêu thụ đặc biệt, hoặc thuế xuất khẩu, hoặc thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp phải nộp tính trên doanh thu bán hàng thực tế của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã cung cấp cho khách hàng và đã được xác định là tiêu thụ trong kỳ kế toán;</p> <p>Trị giá khoản chiết khấu thương mại kết chuyển vào cuối kỳ;</p> <p>Trị giá khoản giảm giá hàng bán kết chuyển vào cuối kỳ;</p> <p>Trị giá hàng bán bị trả lại kết chuyển vào cuối kỳ;</p> <p>Kết chuyển doanh thu thuần vào tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.</p>	<p>Doanh thu bán sản phẩm, hàng hoá và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp đã thực hiện trong kỳ kế toán.</p>
<p><b>Tổng phát sinh Nợ</b></p>	<p><b>Tổng phát sinh Có</b></p>

Tài khoản 511 không có số dư cuối kỳ. Tài khoản 511 có năm tài khoản cấp 2 như sau:

- 5111: Doanh thu bán hàng hoá
- 5112 : Doanh thu bán các thành phẩm
- 5113 : Doanh thu cung cấp dịch vụ
- 5114 : Doanh thu trợ cấp, trợ giá
- 5117 : Doanh thu kinh doanh bất động sản.

✓ *Tài khoản 512 “Doanh thu bán hàng nội bộ”* dùng để phản ánh doanh thu số sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ tiêu thụ trong nội bộ các doanh nghiệp. Doanh thu tiêu thụ nội bộ là số tiền thu được do bán hàng hoá, sản phẩm, cung cấp dịch



vụ tiêu thụ nội bộ giữa các đơn vị trực thuộc trong cùng một công ty, tổng công ty...

**Tài khoản 512 “ Doanh thu bán hàng nội bộ”**

---

Trị giá hàng bán bị trả lại, khoản chiết khấu thương mại và khoản giảm giá hàng bán đã chấp nhận trên khối lượng hàng hoá, sản phẩm, dịch vụ tiêu thụ nội bộ kết chuyển vào cuối kỳ; Số thuế tiêu thụ đặc biệt phải nộp của số hàng hoá, sản phẩm, dịch vụ đã xác định là tiêu thụ nội bộ; Thuế GTGT phải nộp cho số hàng hoá tiêu thụ nội bộ (phương pháp trực tiếp); Kết chuyển doanh thu bán hàng nội bộ vào tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.	Tổng doanh thu tiêu thụ nội bộ phát sinh kỳ kế toán.
<b>Tổng phát sinh Nợ</b>	<b>Tổng phát sinh Có</b>

---

Tài khoản 512 không có số dư cuối kỳ và có các tài khoản chi tiết như sau:

- 5121 : Doanh thu bán hàng hoá
- 5122 : Doanh thu bán các thành phẩm
- 5123 : Doanh thu cung cấp dịch vụ

✓ *Tài khoản 515 “ Doanh thu hoạt động tài chính”* dùng để phản ánh doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia, khoản lãi về chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh và doanh thu các hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

**Tài khoản 515 “ Doanh thu hoạt động tài chính”**

Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp (nếu có); Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang tài khoản 911 “ Xác định kết quả kinh doanh”	Doanh thu hoạt động tài chính phát sinh trong kỳ. Gồm: Tiền lãi; Thu nhập từ cho thuê tài sản; Cổ tức, lợi nhuận được chia; Thu nhập từ hoạt động đầu tư mua bán chứng khoán; Thu nhập chuyển nhượng, cho thuê cơ sở hạ tầng; Thu nhập về các hoạt động đầu tư khác; Chênh lệch do bán ngoại tệ, khoản lãi chênh lệch tỷ giá ngoại tệ; Chênh lệch lãi chuyển nhượng vốn....
<b>Tổng phát sinh Nợ</b>	<b>Tổng phát sinh Có</b>

Tài khoản 515 không có số dư cuối kỳ.

✓ *Tài khoản 711 “ Thu nhập khác”* dùng để phản ánh các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động tạo ra doanh thu của doanh nghiệp. Tài khoản này chỉ phản ánh các khoản thu nhập, không phản ánh các khoản chi phí.

**Tài khoản 711 “ Thu nhập khác”**

Số thuế GTGT phải nộp (nếu có ) tính theo phương pháp trực tiếp đối với các khoản thu nhập khác (nếu có) Cuối kỳ kết chuyển các khoản thu nhập khác sang tài khoản 911.	Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ gồm: Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ; Thu tiền được do khách hàng vi phạm hợp đồng; Thu các khoản nợ khó đòi đã xử lý xoá sổ; Các khoản thuế được NSNN hoàn lại; Thu nhập quà biếu, quà tặng bằng tiền, bằng hiện vật của các tổ chức cá nhân tặng cho doanh nghiệp; Các khoản thu nhập kinh doanh của những năm trước bị bỏ sót hay quên ghi sổ kế toán, năm nay mới phát hiện ra....
<b>Tổng phát sinh Nợ</b>	<b>Tổng phát sinh Có</b>

***1.2.1.3. Phương pháp hạch toán***

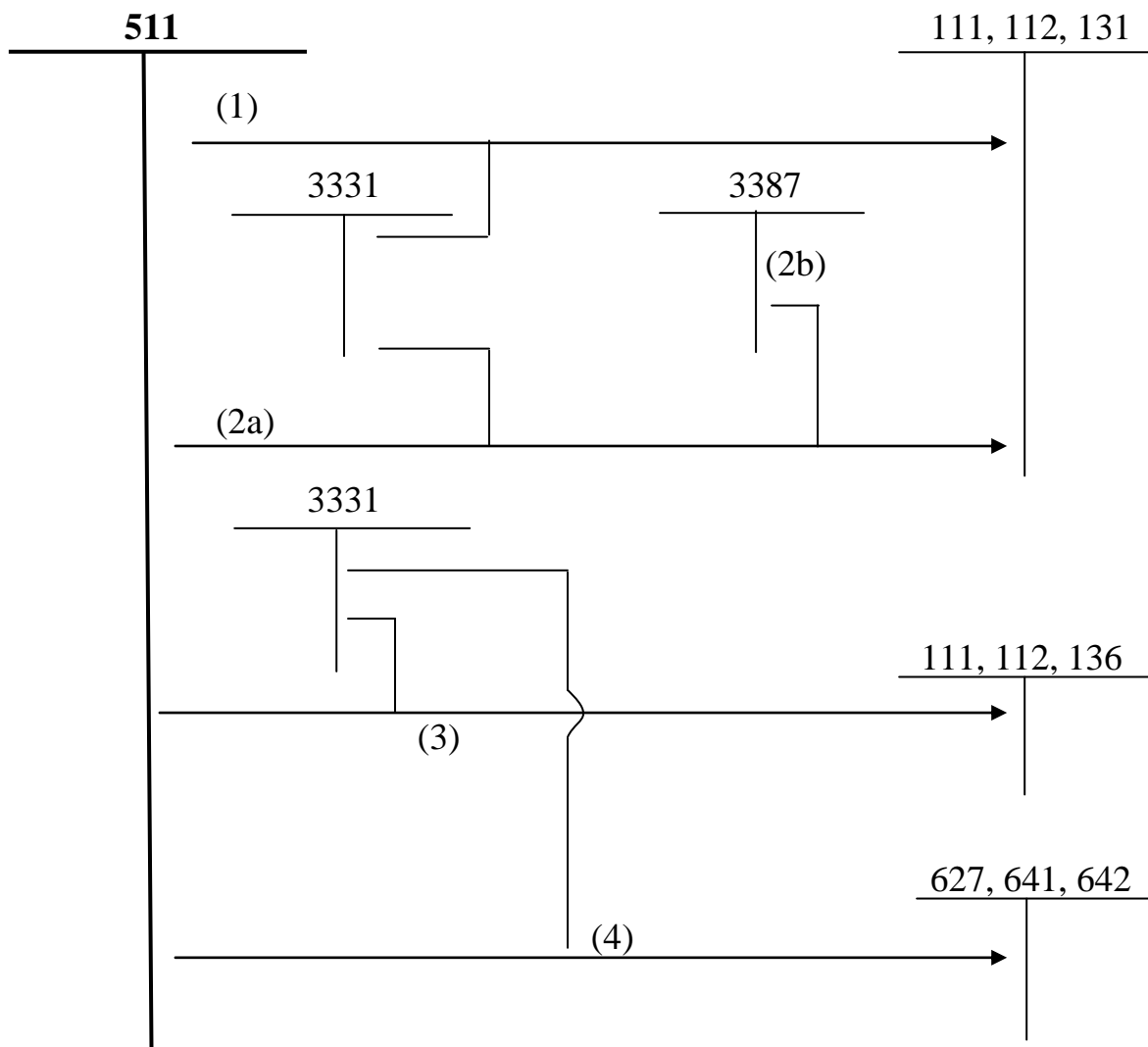
***a. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ***

Đề hạch toán kế toán quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh, tùy thuộc vào đặc điểm của doanh nghiệp, yêu cầu quản lý và quy định của Nhà nước mà doanh nghiệp có thể áp dụng các phương pháp kế toán: Hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên hoặc kiểm kê định kỳ và tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ hoặc phương pháp trực tiếp.

Trên thực tế hiện nay các doanh nghiệp chủ yếu áp dụng *phương pháp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên*, và sử dụng một trong hai phương pháp tính thuế GTGT : phương pháp khấu trừ thuế GTGT và phương pháp trực tiếp thuế GTGT.

- \* Đối với doanh nghiệp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên, tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.***

**Sơ đồ 1.1 : Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**



Giải thích sơ đồ:

- (1) Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ
- (2a) Doanh thu bán hàng theo phương thức trả góp
- (2b) Lãi bán hàng trả góp
- (3) Đơn vị trực thuộc bán hàng cho đơn vị cấp trên
- (4) Hàng được xuất dùng cho các bộ phận phòng ban trong doanh nghiệp phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh hàng hoá không thuộc diện chịu thuế GTGT.

- \* *Đối với doanh nghiệp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên, tính thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp hoặc sản xuất kinh doanh những mặt hàng không chịu thuế GTGT.*

Trong trường hợp này hạch toán tiêu thụ và ghi nhận doanh thu tương tự như trường hợp doanh nghiệp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên, tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ. Tuy nhiên, có một số điểm khác sau:

- Đối với mặt hàng chịu thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp trong giá bán đã có cả thuế GTGT đầu ra, vì vậy trong kỳ kế toán không sử dụng tài khoản 3331 “Thuế GTGT đầu ra”. Cuối kỳ, khi xác định được số thuế GTGT phải nộp kế toán ghi:

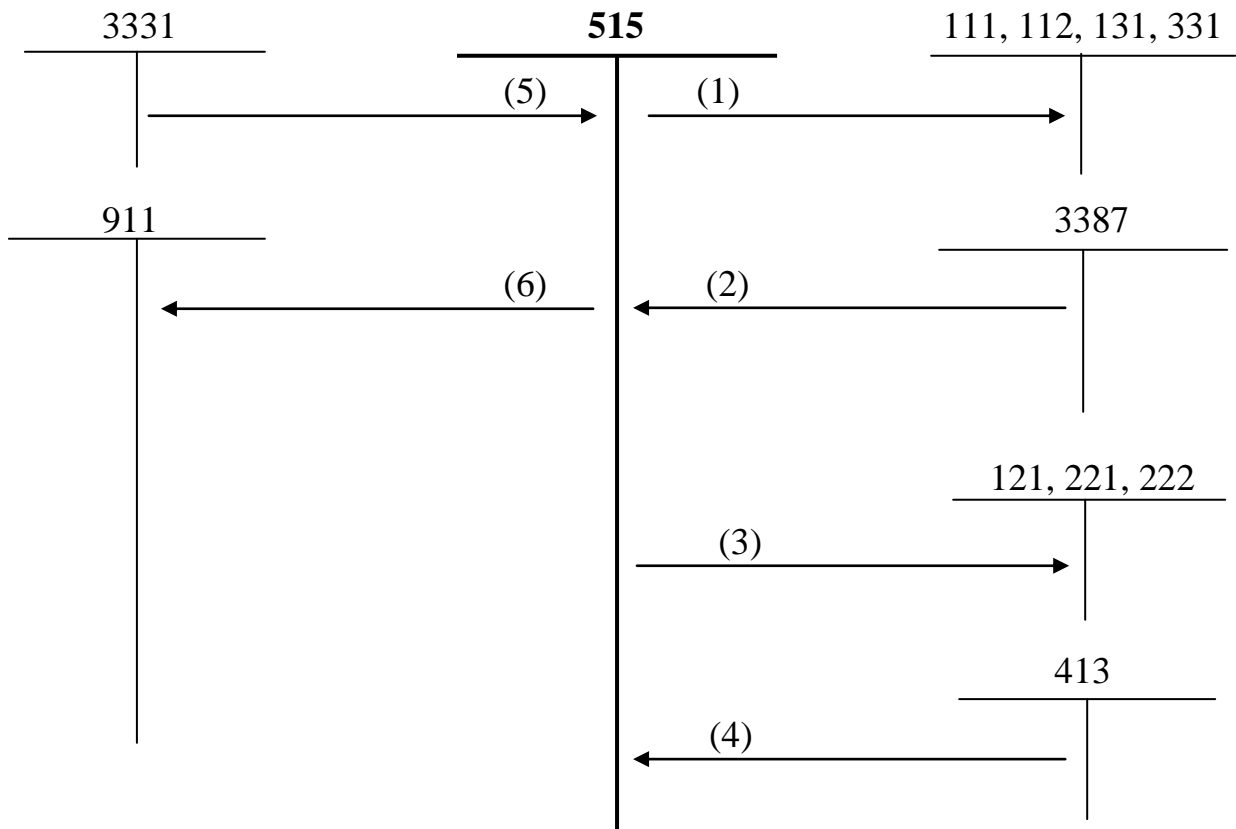
Nợ TK 511

Có TK 3331

- Đối với mặt hàng không chịu thuế GTGT thì giá bán không liên quan đến thuế GTGT.

*b. Doanh thu hoạt động tài chính*

**Sơ đồ 1.2: Kế toán doanh thu hoạt động tài chính**



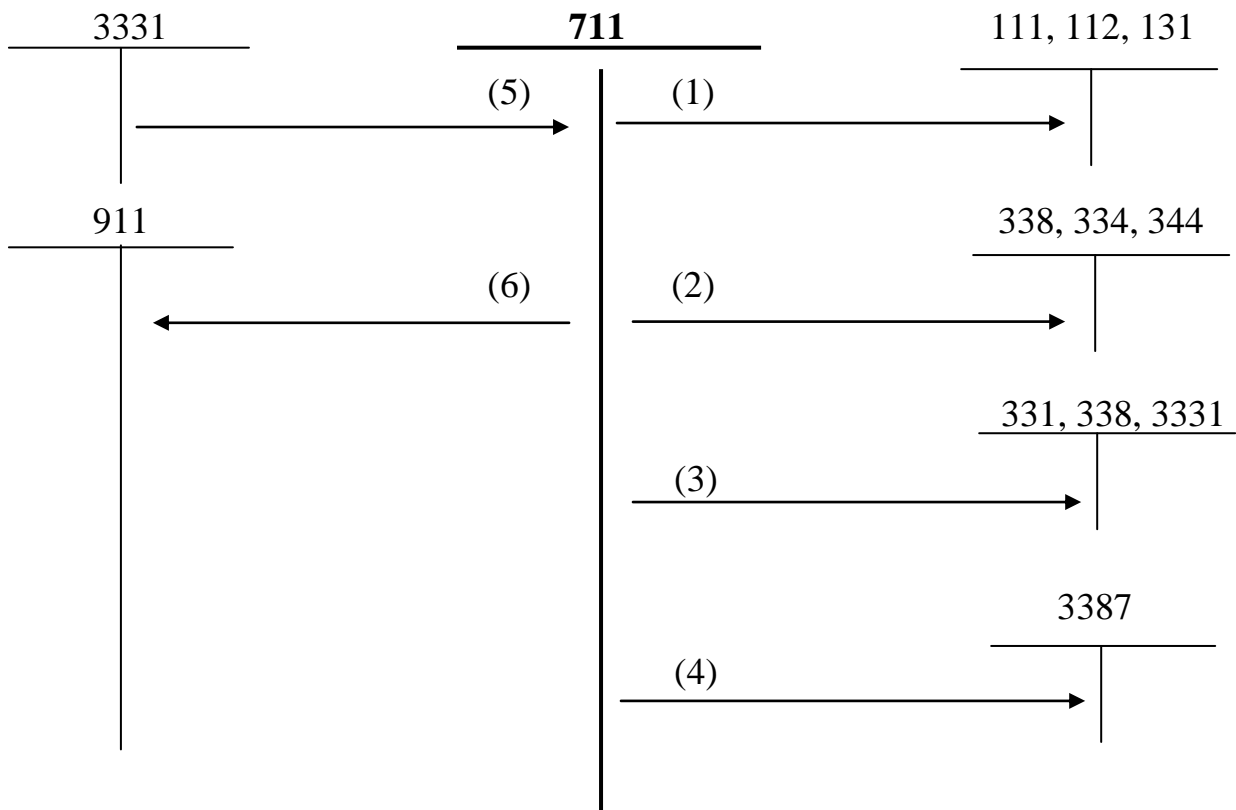
Giải thích sơ đồ:

- (1) Thu nhập hoạt động tài chính, nhận được thông báo lãi chứng khoán, lãi do bán ngoại tệ, chiết khấu thanh toán được hưởng,....
- (2) Phân bổ dần lãi do bán hàng trả chậm, lãi nhận trước.
- (3) Thu nhập về lợi nhuận được bổ sung vốn góp liên doanh, lãi cho vay, lãi kinh doanh chứng khoán bổ sung mua chứng khoán.
- (4) Kết chuyển chênh lệch tỷ giá hối đoái trong kỳ và đánh giá lại cuối kỳ (sau khi đã bù trừ).
- (5) Xác định thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp đối với hoạt động tài chính (nếu có).
- (6) Cuối kỳ, kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính để xác định kết quả kinh doanh.

*c. Thu nhập khác*

Thu nhập khác là những khoản thu mà doanh nghiệp không dự tính trước được hoặc có dự tính đến nhưng ít có khả năng thực hiện, hoặc là những khoản thu không mang tính chất thường xuyên.

**Sơ đồ 1.3 : Kế toán các nghiệp vụ chủ yếu về thu nhập khác**



Giải thích sơ đồ:

- (1) Thu về thanh lý TSCĐ, thu phạt khách hàng do vi phạm hợp đồng kinh tế, tiền bảo hiểm được các tổ chức bảo hiểm bồi thường, nợ khó đòi đã xử lý sau đó thu được nợ.
- (2) Khoản tiền phạt khách hàng khấu trừ vào tiền ký cược, ký quỹ ngắn hạn, dài hạn, khấu trừ vào lương của CB – CNV.
- (3) Các khoản nợ phải trả mà chủ nợ không đòi được tính vào thu nhập khác, số thuế GTGT được giảm trừ vào số thuế GTGT phải nộp trong kỳ.
- (4) Định kỳ phân bổ doanh thu chưa thực hiện nếu tính vào thu nhập khác

- (5) Xác định thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp đối với hoạt động khác (nếu có).
- (6) Cuối kỳ kế toán, kết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ.

### **1.2.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm: Chiết khấu thương mại; Hàng bán bị trả lại; giảm giá hàng bán; Thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu, thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp.

#### *1.2.2.1. Chứng từ sử dụng*

- Hoá đơn GTGT
- Phiếu chi
- Giấy báo có
- Các chứng từ khác liên quan (nếu có)

#### *1.2.2.2. Tài khoản sử dụng*

✓ *Tài khoản 521 “ Chiết khấu thương mại”* dùng để phản ánh khoản chiết khấu thương mại mà doanh nghiệp đã giảm trừ, hoặc đã thanh toán cho người mua hàng do việc người mua hàng đã mua hàng với khối lượng lớn và theo thỏa thuận bên bán sẽ dành cho bên mua một khoản chiết khấu thương mại. (Đã ghi trên hợp đồng kinh tế mua bán hoặc các cam kết mua bán hàng hoá).

Tài khoản 521 không có số dư cuối kỳ

#### **Tài khoản 521 “ Chiết khấu thương mại”**

Số chiết khấu thương mại đã chấp nhận thanh toán cho khách hàng phát sinh trong kỳ	Cuối kỳ kế toán, kết chuyển số chiết khấu thương mại sang tài khoản 511 “ Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ” để xác định doanh thu thuần của kỳ kế toán.
<b>Tổng số phát sinh Nợ</b>	<b>Tổng số phát sinh Có</b>



✓ *Tài khoản 531 “ Hàng bán bị trả lại”* dùng để phản ánh giá trị số sản phẩm, hàng hoá bị khách hàng trả lại ( tính theo đúng đơn giá ghi trên hoá đơn). Các chi phí khác phát sinh liên quan đến việc hàng bán bị trả lại mà doanh nghiệp phải chi được phản ánh vào tài khoản 641 “ Chi phí bán hàng”.

Tài khoản 531 không có số dư cuối kỳ

**Tài khoản 531 “ Hàng bán bị trả lại”**

Doanh thu của hàng bán bị trả lại phát sinh trong kỳ, đã trả lại tiền cho người mua hoặc tính trừ vào khoản phải thu khách hàng về số sản phẩm hàng hoá đã bán	Kết chuyển doanh thu của hàng bán bị trả lại vào bên Nợ TK 511 “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ” hoặc TK 512 “ Doanh thu bán hàng nội bộ” để xác định doanh thu thuần kỳ kế toán.
<b>Tổng phát sinh Nợ</b>	<b>Tổng phát sinh Có</b>

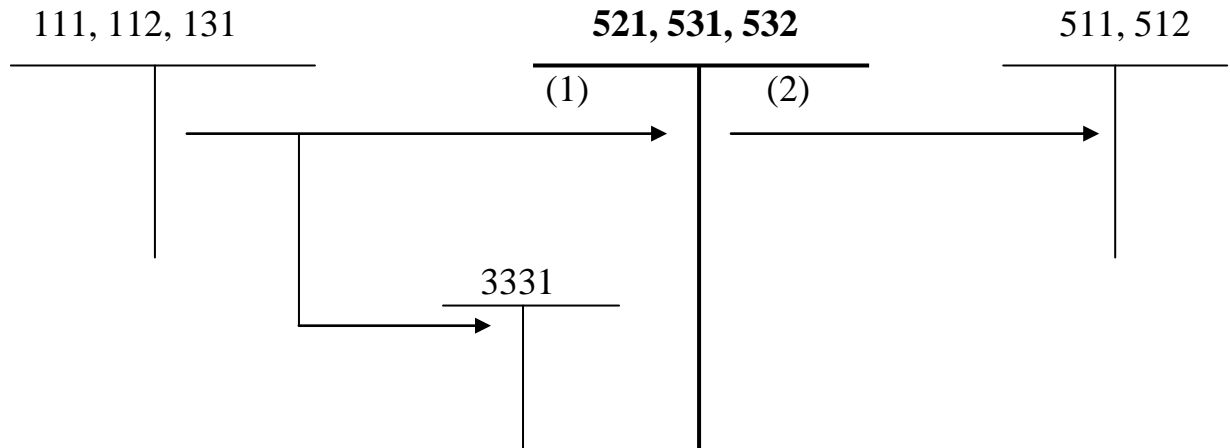
✓ *Tài khoản 532 “ Giảm giá hàng bán”* dùng để phản ánh khoản giảm giá hàng bán thực tế phát sinh và việc xử lý khoản giảm giá hàng bán trong kỳ kế toán. Tài khoản này không có số dư cuối kỳ.

**Tài khoản 532 “ Giảm giá hàng bán”**

Khoản giảm giá hàng bán đã chấp thuận cho người mua hàng phát sinh trong kỳ	Kết chuyển số tiền giảm giá hàng bán sang TK 511 “ Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ” hoặc TK 512 “ Doanh thu bán hàng nội bộ” để xác định doanh thu thuần của kỳ kế toán.
<b>Tổng phát sinh Nợ</b>	<b>Tổng phát sinh Có</b>

1.2.2.3. *Phương pháp hạch toán:*

**Sơ đồ 1.4 : Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu**



Giải thích sơ đồ:

- (1) Các khoản Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán cho khách hàng và thanh toán cho người mua số tiền của hàng bán bị trả lại
- (2) Cuối kỳ, kết chuyển các khoản giảm trừ sang tài khoản 511 hoặc 512 để xác định doanh thu thuần.

**1.2.3. Tổ chức kế toán chi phí**

Chi phí là những phí tổn về tài nguyên, vật lực gắn liền với hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ. Chi phí hoạt động được tính vào kết quả kinh doanh, được tài trợ bằng nguồn vốn kinh doanh và được bù đắp bằng thu nhập tạo ra trong kỳ. Các khoản chi phí hợp lý phát sinh trong kỳ để xác định kết quả kinh doanh bao gồm: Giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí hoạt động tài chính và chi phí khác cho hoạt động kinh doanh. Và thuế thu nhập doanh nghiệp cũng không nằm ngoài danh mục các khoản chi phí của doanh nghiệp khi doanh nghiệp kinh doanh có lãi.

**1.2.3.1. Chứng từ sử dụng**

- Hoá đơn thuế GTGT.
- Phiếu xuất kho.
- Phiếu thu, phiếu chi.

- Giấy báo nợ, giấy báo có.
- Bảng kê thanh toán tạm ứng.
- Các chứng từ khác có liên quan,....

**1.2.3.2. Tài khoản sử dụng**

✓ *Tài khoản 632 “ Giá vốn hàng bán”* dùng để phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ, bất động sản đầu tư, giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp (đối với doanh nghiệp xây lắp) bán ra trong kỳ. Ngoài ra, tài khoản này còn dùng để phản ánh các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh như: chi phí khấu hao, chi phí sửa chữa, chi phí nhượng bán, thanh lý BĐS đầu tư...

Tài khoản này không có số dư cuối kỳ

**Tài khoản 632 “ Giá vốn hàng bán”**

Giá vốn hàng đã bán	Hoàn nhập khoản dự phòng
Lập dự phòng giảm giá hàng hoá tồn kho	Kết chuyển vào tài khoản 911 để xác định kết quả kinh doanh.
<b>Tổng phát sinh Nợ</b>	<b>Tổng phát sinh Có</b>

✓ *Tài khoản 641 “ Chi phí bán hàng”* dùng để phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình tiêu thụ sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ của doanh nghiệp.

Tài khoản này không có số dư cuối kỳ

**Tài khoản 641 “ Chi phí bán hàng”**

Tập hợp các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình tiêu thụ sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ của doanh nghiệp.	Các khoản giảm trừ chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ hạch toán Kết chuyển chi phí bán hàng vào tài khoản 911 để tính kết quả kinh doanh trong kỳ; hoặc Kết chuyển chi phí bán hàng vào tài khoản 142 “ Chi phí trả trước” để chờ phân bổ.
<b>Tổng phát sinh Nợ</b>	<b>Tổng phát sinh Có</b>

Tài khoản này có 7 tài khoản cấp 2:

- TK 6411: Chi phí nhân viên.
- TK 6412: Chi phí vật liệu, bao bì.
- TK 6413: Chi phí dụng cụ, đồ dùng.
- TK 6414: Chi phí khấu hao tài sản cố định.
- TK 6415: Chi phí bảo hành.
- TK 6417: Chi phí dịch vụ mua ngoài.
- TK 6418: Chi phí khác bằng tiền.

✓ *Tài khoản 642 “ Chi phí quản lý doanh nghiệp”* dùng để phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp phát sinh trong một kỳ hạch toán.

**Tài khoản 642 “ Chi phí quản lý doanh nghiệp”**

---

Tập hợp chi phí quản lý doanh nghiệp thực tế phát sinh trong kỳ	Các khoản giảm trừ chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong một kỳ hạch toán.  Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp sang tài khoản 911 để tính kết quả kinh doanh trong kỳ; hoặc  Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp sang tài khoản 142 “ Chi phí trả trước” để chờ phân bổ.
<b>Tổng phát sinh Nợ</b>	<b>Tổng phát sinh Có</b>

---

Tài khoản này không có số dư cuối kỳ và có 8 tài khoản cấp 2 như sau:

- TK 6421: Chi phí nhân viên quản lý.
- TK 6422: Chi phí vật liệu quản lý.
- TK 6423: Chi phí đồ dùng văn phòng.
- TK 6424: Chi phí khấu hao TSCĐ.
- TK 6425: Thuế, phí và lệ phí.

- TK 6426: Chi phí dự phòng.
- TK 6427: Chi phí dịch vụ mua ngoài.
- TK 6428: Chi phí khác bằng tiền.

✓ *Tài khoản 635 “ Chi phí tài chính”* dùng để phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính.

**Tài khoản 635 “ Chi phí tài chính”**

Các khoản chi phí hoạt động tài chính. Các khoản lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn. Các khoản lỗ về chênh lệch tỷ giá ngoại tệ phát sinh thực tế. Khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ. Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán. Chi phí đất chuyển nhượng, cho thuê cơ sở hạ tầng được xác định là tiêu thụ.	Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán. Cuối kỳ kế toán kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính và các khoản lỗ phát sinh trong kỳ để xác định kết quả kinh doanh.
<b>Tổng phát sinh Nợ</b>	<b>Tổng phát sinh Có</b>

Tài khoản này không có số dư cuối kỳ

✓ *Tài khoản 811 “ Chi phí khác”* dùng để phản ánh các khoản chi phí của các hoạt động ngoài hoạt động sản xuất kinh doanh tạo ra doanh thu của doanh nghiệp.

**Tài khoản 811 “ Chi phí khác”**

Các khoản chi phí khác phát sinh	Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ vào TK 911 “ Xác định kết quả kinh doanh”
<b>Tổng phát sinh Nợ</b>	<b>Tổng phát sinh Có</b>

Tài khoản này không có số dư cuối kỳ.

✓ Tài khoản 821 “ Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp” dùng để phản ánh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của doanh nghiệp bao gồm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong năm tài chính hiện hành.

Tài khoản 821 có 2 TK cấp 2:

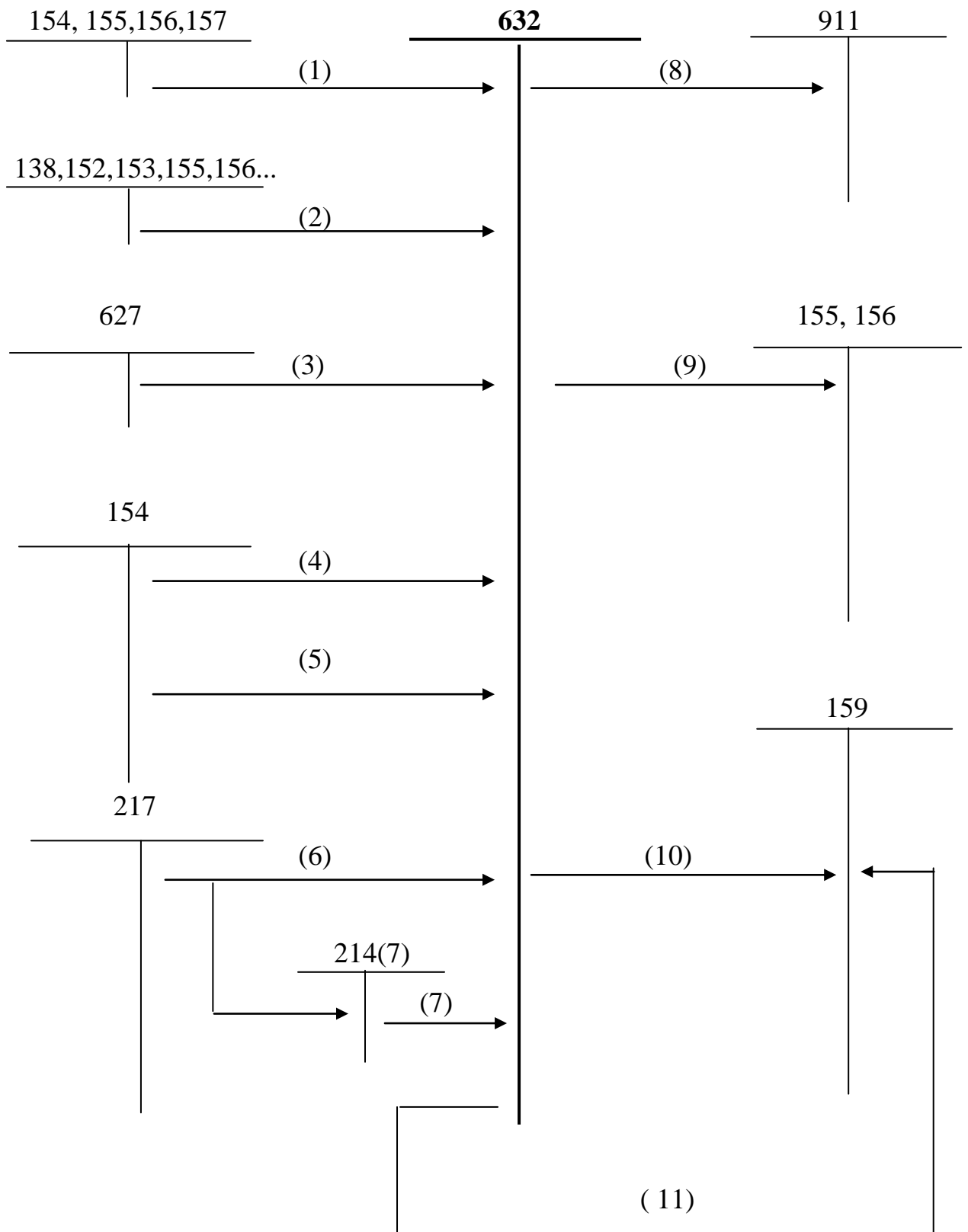
- TK 8211: Chi phí thuế TNDN hiện hành
- TK 8212: Chi phí thuế TNDN hoãn lại.

**Tài khoản 821 “ Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp”**

<p>Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh trong năm;</p> <p>Thuế TNDN hiện hành của các năm trước phải nộp bổ sung do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước được ghi tăng chi phí thuế TNDN hiện hành của năm hiện tại;</p> <p>Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh trong năm từ việc ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả ( là số chênh lệch giữa thuế TNDN hoãn lại phải trả phát sinh trong năm lớn hơn thuế TNDN hoãn lại phải trả được hoàn nhập trong năm);</p> <p>Ghi nhận chi phí thuế TNDN ( số chênh lệch giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại được hoàn nhập trong năm lớn hơn tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh trong năm);</p> <p>Kết chuyển chênh lệch giữa số phát sinh bên Có TK 8212 – “ Chi phí thuế TNDN hoãn lại” lớn hơn số phát sinh bên Nợ TK 8212 phát sinh trong kỳ và bên Có TK 911 “ Xác định kết quả kinh doanh”.</p>	<p>Số thuế TNDN hiện hành thực tế phải nộp trong năm nhỏ hơn số thuế TNDN hiện hành tạm phải nộp được giảm trừ vào chi phí thuế TNDN hiện hành đã ghi nhận trong năm;</p> <p>Số thuế TNDN phải nộp được ghi giảm số phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước được ghi giảm chi phí thuế TNDN hiện hành trong năm hiện tại;</p> <p>Ghi giảm chi phí thuế TNDN hoãn lại và ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại ( Số chênh lệch giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh trong năm lớn hơn tài sản thuế thu nhập hoãn lại được hoàn nhập trong năm);</p> <p>Ghi giảm chi phí thuế TNDN hoãn lại (số chênh lệch giữa thuế thu nhập hoãn lại phải trả được hoàn nhập trong năm lớn hơn thuế thu nhập phải trả phát sinh trong năm;</p> <p>Kết chuyển số chênh lệch giữa chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh trong năm lớn hơn khoản được ghi giảm chi phí thuế TNDN hiện hành trong năm vào TK 911;</p> <p>Kết chuyển số chênh lệch giữa số phát sinh bên Nợ TK 8212 lớn hơn số phát sinh bên Có TK 8212 phát sinh trong kỳ vào bên Nợ TK 911.</p>
<p><b>Tổng phát sinh Nợ</b></p>	<p><b>Tổng phát sinh Có</b></p>

1.2.3.3. Phương pháp hạch toán

**Sơ đồ 1.5: Kế toán giá vốn hàng bán**  
(Theo phương pháp kê khai thường xuyên)

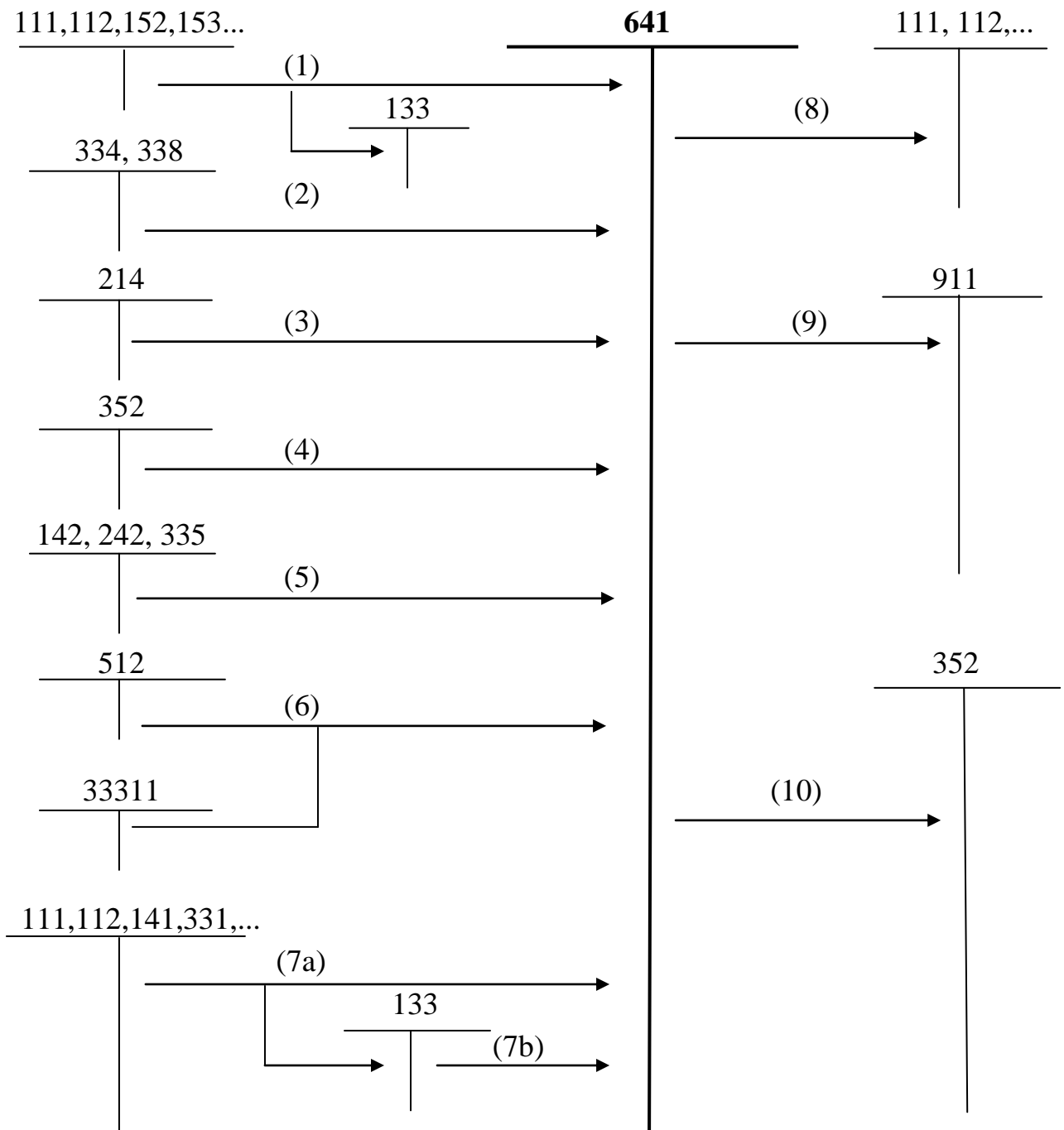




Giải thích sơ đồ:

- (1) Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ xuất kho.
- (2) Phần hao hụt, mất mát hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán.
- (3) Chi phí sản xuất chung cố định không được phân bổ được ghi vào giá vốn hàng bán trong kỳ.
- (4) Giá thành thực tế của sản phẩm chuyển thành TSCĐ sử dụng cho SXKD.
- (5) Chi phí vượt quá mức bình thường của TSCĐ tự chế và chi phí không hợp lý tính vào giá vốn hàng bán.
- (6) Bất động sản đầu tư.
- (7) Trích khấu hao BĐS đầu tư.
- (8) Kết chuyển giá vốn hàng bán và các chi phí khi xác định kết quả kinh doanh
- (9) Hàng bán bị trả lại nhập kho.
- (10) Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.
- (11) Trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

**Sơ đồ 1.6: Kế toán chi phí bán hàng**

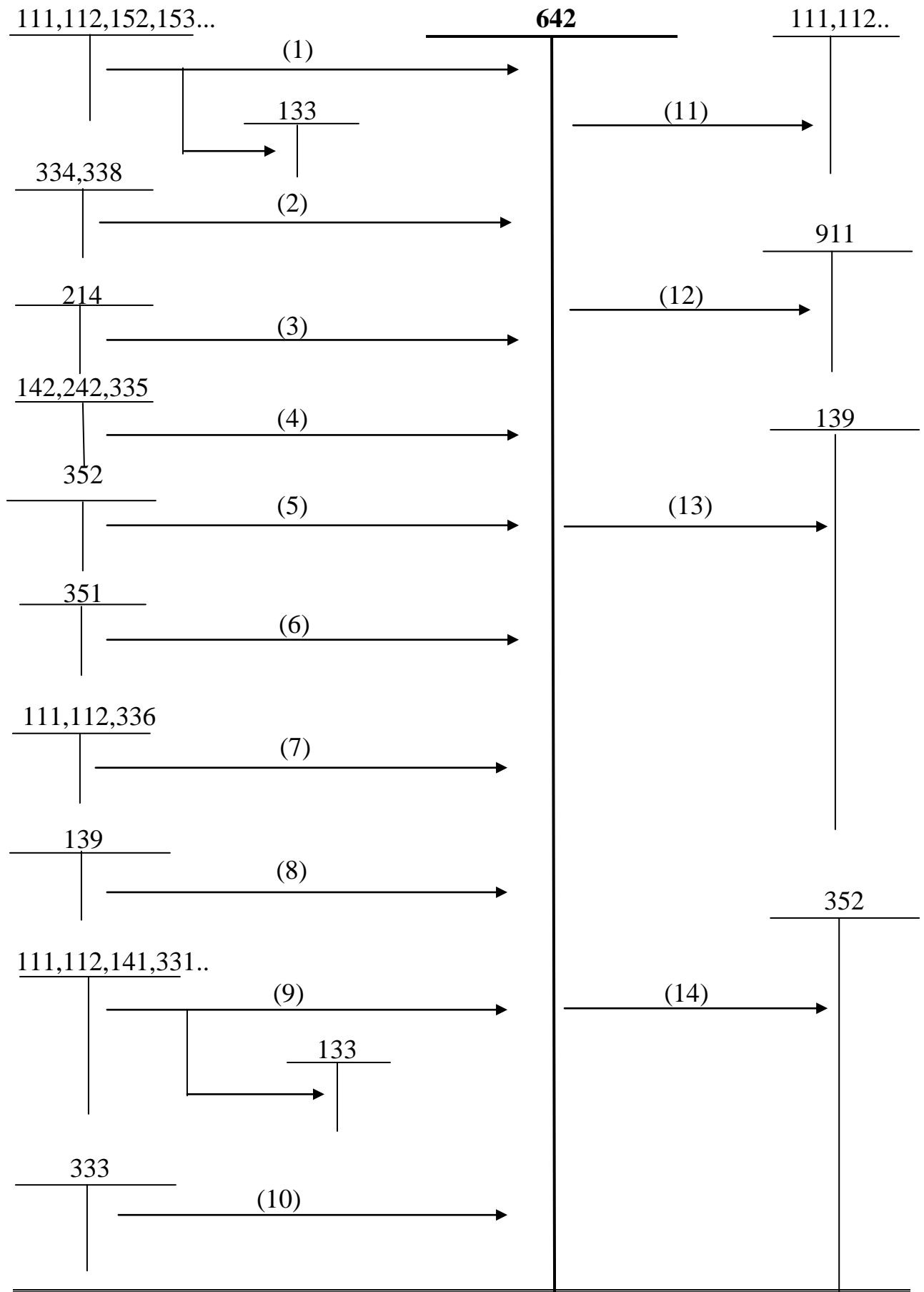


Giải thích sơ đồ:

- (1) Chi phí vật liệu, dụng cụ.
- (2) Chi phí tiền lương và các khoản trích theo lương.
- (3) Chi phí khấu hao TSCĐ.
- (4) Dự phòng phải trả về chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá.

- (5) Chi phí phân bổ dần, chi phí trích trước.
- (6) Thành phẩm, hàng hoá dịch vụ sử dụng nội bộ.
- (7a) Chi phí dịch vụ mua ngoài; chi phí bằng tiền khác.
- (7b) Thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ nếu được tính vào chi phí bán hàng.
- (8) Các khoản thu giảm chi.
- (9) Kết chuyển chi phí bán hàng để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ.
- (10) Hoàn nhập dự phòng phải trả về chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá.

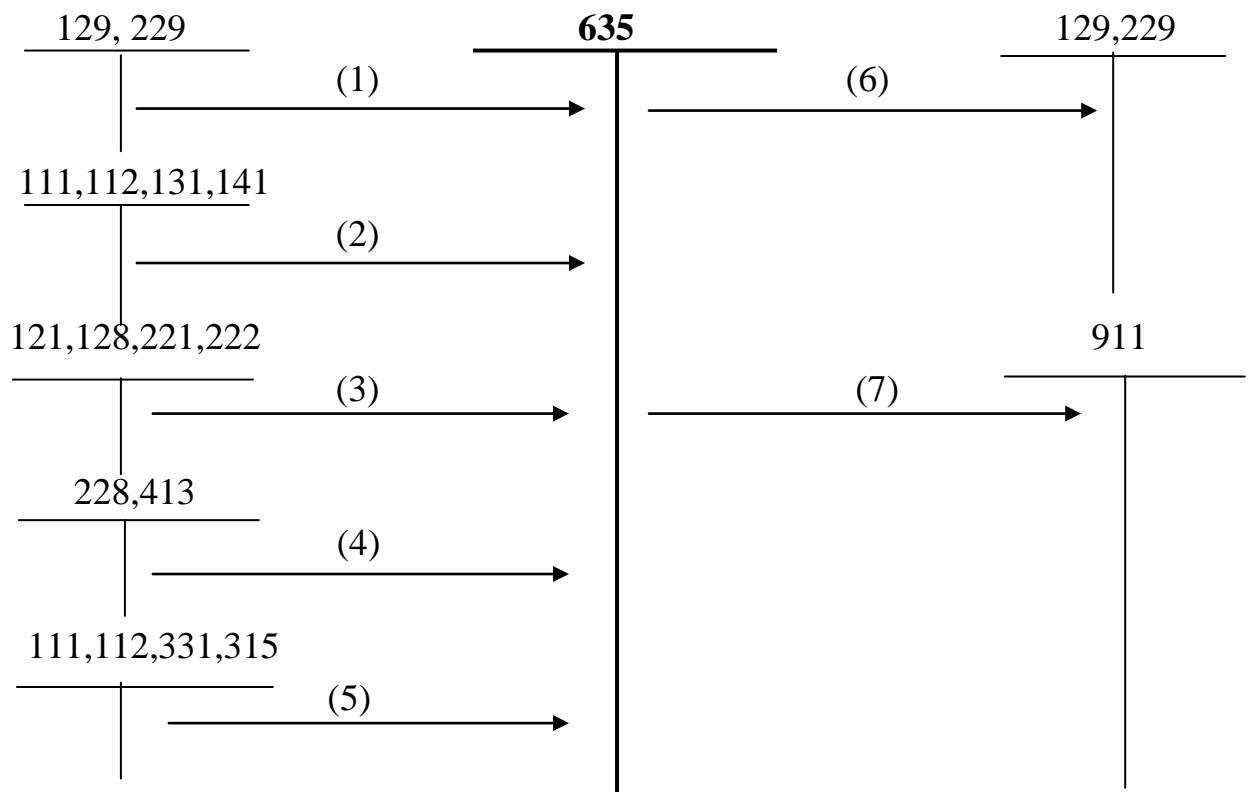
**Sơ đồ 1.7 : Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp**



Giải thích sơ đồ:

- (1) Chi phí công cụ dụng cụ.
- (2) Chi phí tiền lương, tiền công, phụ cấp, tiền ăn ca và các khoản trích theo lương.
- (3) Chi phí khấu hao tài sản cố định.
- (4) Chi phí phân bổ dần, chi phí trích trước.
- (5) Dự phòng phải trả về tái cơ cấu doanh nghiệp. Hợp đồng có rủi ro lớn, dự phòng phải trả khác.
- (6) Trích lập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm.
- (7) Chi phí quản lý cấp dưới phải nộp cho cấp trên.
- (8) Dự phòng phải thu khó đòi.
- (9) Chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí bằng tiền khác.
- (10) Thuế môn bài, tiền thuê đất phải nộp NSNN.
- (11) Các khoản thu giảm chi.
- (12) Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp để xác định KQKD trong kỳ.
- (13) Hoàn nhập số chênh lệch giữa số dự phòng phải thu khó đòi đã trích lập năm trước chưa sử dụng hết lớn hơn số phải trích lập năm nay.
- (14) Hoàn nhập dự phòng về chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá.

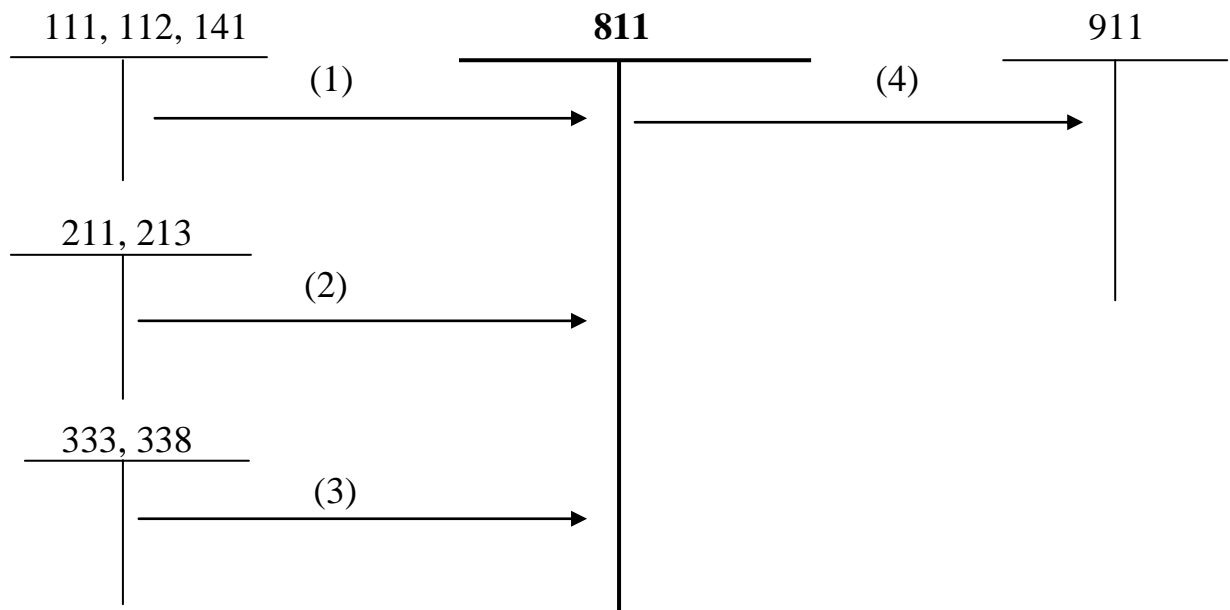
**Sơ đồ 1.8 : Kế toán chi phí tài chính**



Giải thích sơ đồ:

- (1) Lập dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn (lập lần đầu, lập bổ sung).
- (2) Khoản chiết khấu thanh toán cho người mua hàng hoá, dịch vụ được hưởng.  
Chi phí phát sinh do hoạt động vay vốn, chi phí hoạt động đầu tư chứng khoán, chi phí hoạt động tài chính; số lỗ về tỷ giá do bán ngoại tệ.
- (3) Số lỗ về đầu tư thu hồi (số tiền thực thu nhỏ hơn số vốn đầu tư thu hồi).
- (4) Kết chuyển lỗ do chênh lệch tỷ giá; trị giá vốn đầu tư bất động sản.
- (5) Lãi tiền vay đã trả hoặc phải trả.
- (6) Hoàn nhập dự phòng đầu tư ngắn hạn, dài hạn.
- (7) Kết chuyển chi phí tài chính để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ.

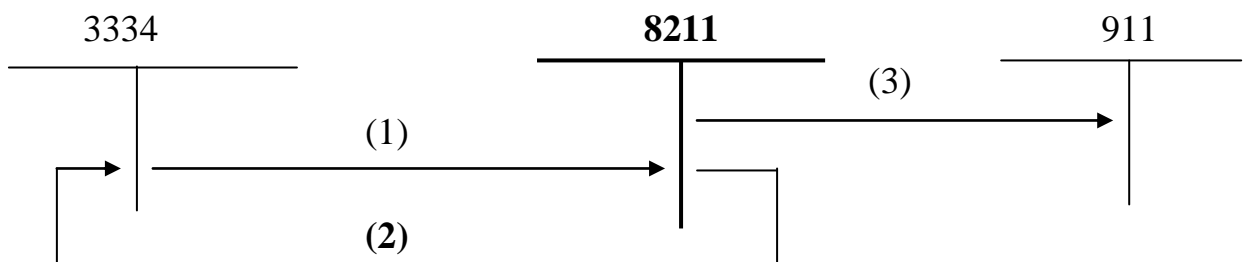
**Sơ đồ 1.9: Kế toán chi phí khác**



Giải thích sơ đồ:

- (1) Chi phí phát sinh khi khắc phục tổn thất do gặp rủi ro trong hoạt động kinh doanh.
- (2) Giá trị còn lại của TSCĐ mang đi thanh lý, nhượng bán.
- (3) Tiền phạt phải nộp về vi phạm hợp đồng kinh tế, phải nộp về khoản doanh nghiệp bị truy thu thuế.
- (4) Kết chuyển chi phí khác phát sinh trong kỳ để xác định kết quả kinh doanh.

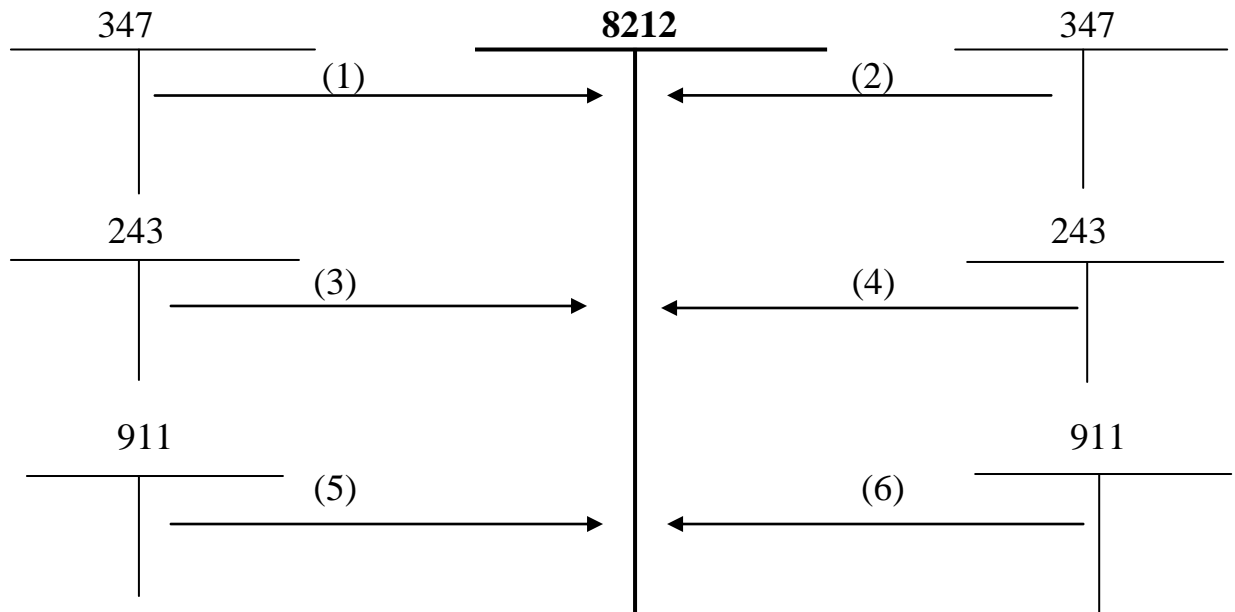
**Sơ đồ 1.10 a : Kế toán chi phí thuế TNDN hiện hành**



Giải thích sơ đồ:

- (1) Số thuế TNDN hiện hành phải nộp trong kỳ do doanh nghiệp tự xác định.
- (2) Số chênh lệch giữa thuế TNDN tạm phải nộp lớn hơn số phải nộp.
- (3) Kết chuyển chi phí thuế TNDN hiện hành.

**Sơ đồ 1.10b : Kế toán chi phí thuế TNDN hoãn lại**



Giải thích sơ đồ:

- (1) Số chênh lệch giữa số thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh trong năm lớn hơn số thuế thu nhập hoãn lại phải trả được hoàn nhập trong năm.
- (2) Số chênh lệch giữa số thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh trong năm nhỏ hơn số thuế thu nhập hoãn lại phải trả được hoàn nhập trong năm.
- (3) Số chênh lệch giữa số tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh nhỏ hơn số tài sản thuế thu nhập hoãn lại được hoàn nhập trong năm.
- (4) Số chênh lệch giữa số tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh lớn hơn số tài sản thuế thu nhập hoãn lại được hoàn nhập trong năm.
- (5) Kết chuyển chênh lệch số phát sinh Có lớn hơn số phát sinh Nợ TK8212.
- (6) Kết chuyển chênh lệch số phát sinh Có nhỏ hơn số phát sinh Nợ TK8212.



**1.2.4. Tổ chức kế toán xác định kết quả kinh doanh**

*1.2.4.1. Phương pháp xác định kết quả kinh doanh*

Việc xác định và phân phối kết quả hoạt động kinh doanh có thể được biểu diễn bằng sơ đồ sau:

<b>DOANH THU BÁN HÀNG, CUNG CẤP DỊCH VỤ</b>		
Các khoản giảm trừ DT	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	
	Giá vốn hàng bán	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ
		Doanh thu hoạt động tài chính
	Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí tài chính	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh
		Thu nhập khác
		Tổng lợi nhuận trước thuế
		Chi phí khác
		<b>Lợi nhuận sau thuế</b>
		Thuế thu nhập DN
		Phân chia cổ tức Trích lập các quỹ Thu nhập giữ lại

*1.2.4.2. Tài khoản sử dụng*

Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh” dùng để xác định kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong một kỳ hoạch toán. Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh và lợi nhuận khác.

Kết cấu của tài khoản 911 như sau:

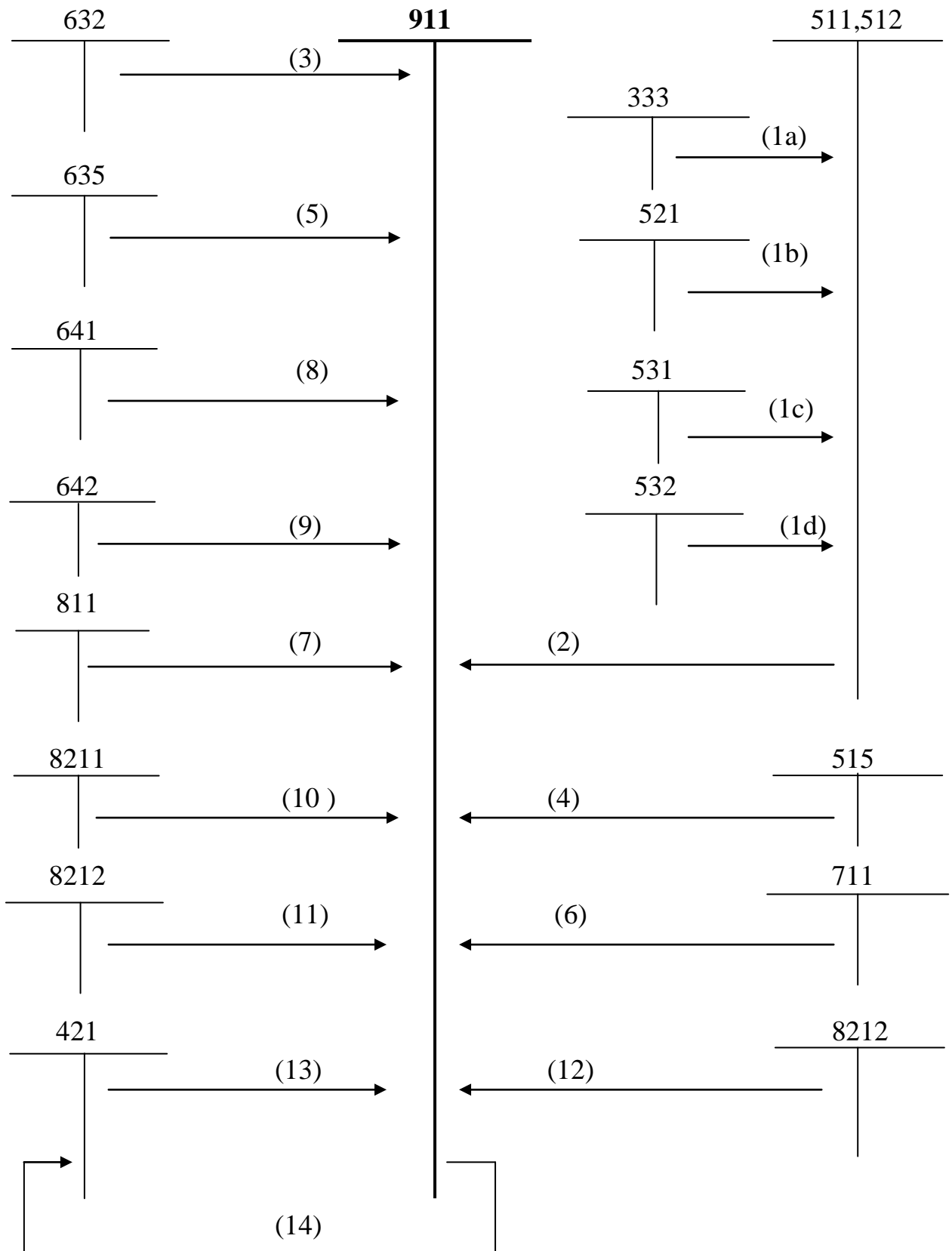
**Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”**

---

Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ trong kỳ. Chi phí bán hàng. Chi phí quản lý doanh nghiệp. Chi phí tài chính. Chi phí thuê thu nhập doanh nghiệp. Chi phí khác. Số lãi trước thuế của hoạt động kinh doanh trong kỳ.	Doanh thu thuần của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ trong kỳ.  Doanh thu hoạt động tài chính. Thu nhập khác. Số lỗ của hoạt động kinh doanh trong kỳ.
<b>Tổng số phát sinh Nợ</b>	<b>Tổng số phát sinh Có</b>

**1.2.4.3. Phương pháp hạch toán**

**Sơ đồ 1.11: Kế toán tổng hợp xác định  
kết quả hoạt động kinh doanh**



Giải thích sơ đồ:

- (1a) Kết chuyển thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu, thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp.
- (1b) Kết chuyển chiết khấu thương mại.
- (1c) Kết chuyển giảm giá hàng bán.
- (1d) Kết chuyển hàng bán bị trả lại.
- (2) Kết chuyển doanh thu thuần.
- (3) Kết chuyển giá vốn hàng bán.
- (4) Kết chuyển doanh thu tài chính.
- (5) Kết chuyển chi phí tài chính.
- (6) Kết chuyển thu nhập khác.
- (7) Kết chuyển chi phí khác.
- (8) Kết chuyển chi phí bán hàng.
- (9) Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp.
- (10) Kết chuyển chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.
- (11) Kết chuyển chênh lệch số phát sinh bên Có TK 8212 lớn hơn số phát sinh bên Nợ TK 8212 .
- (12) Kết chuyển chênh lệch số phát sinh bên Có TK 8212 nhỏ hơn số phát sinh bên Nợ TK 8212.
- (13) Kết chuyển lãi sau thuế TNDN.
- (14) Kết chuyển lỗ.

#### **1.2.5. Các hình thức kế toán trong doanh nghiệp**

Hình thức kế toán là việc quy định mở những loại sổ sách kế toán nào đó để phản ánh các đối tượng kế toán, kết cấu của từng loại sổ, trình tự, phương pháp ghi sổ và mối quan hệ giữa các loại sổ.

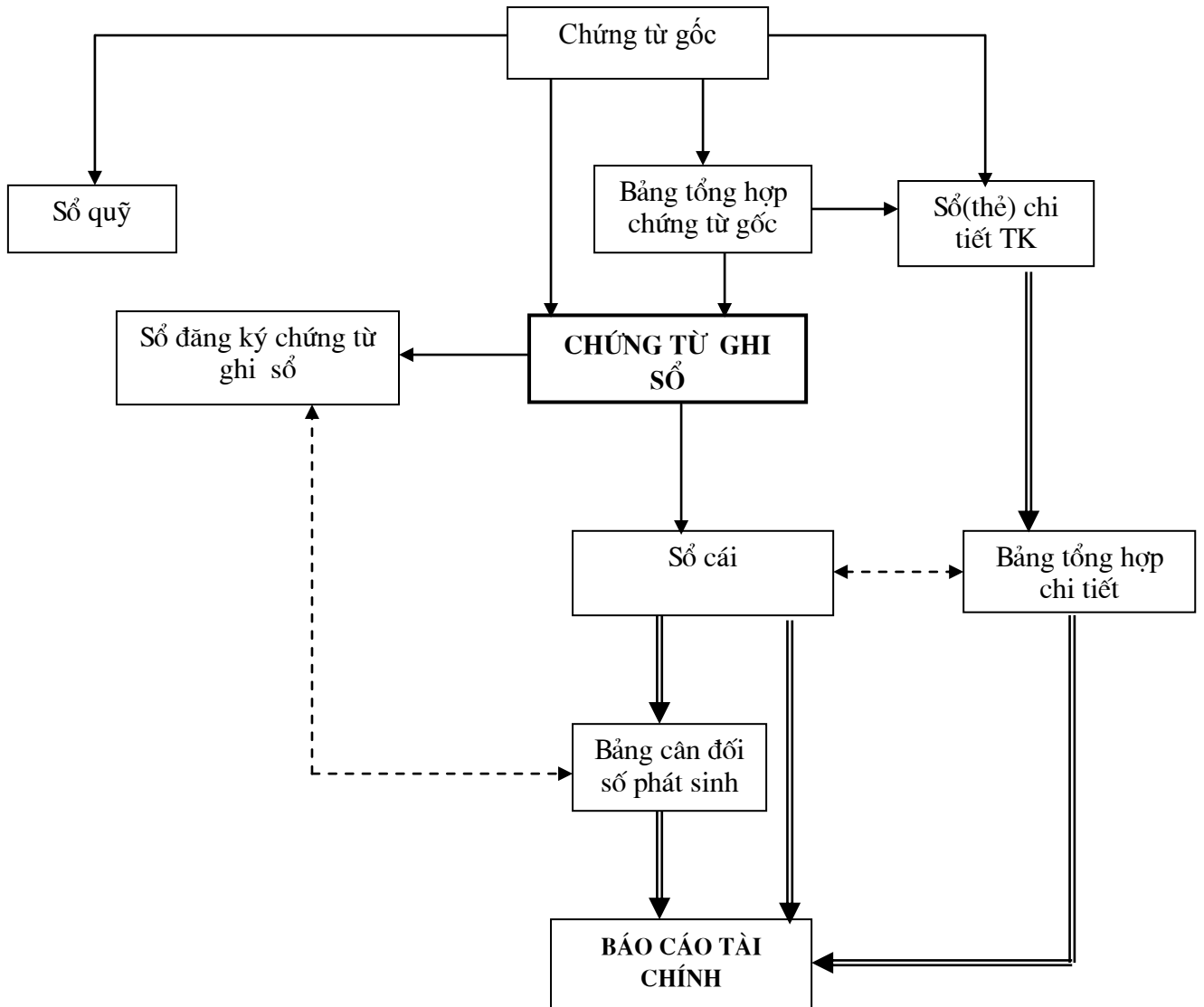
Theo chế độ kế toán hiện hành có 5 hình thức kế toán được sử dụng như sau:

- Hình thức kế toán Nhật ký chung
- Hình thức kế toán Nhật ký - Sổ cái
- Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ
- Hình thức kế toán Nhật ký - Chứng từ
- Hình thức kế toán trên máy vi tính

☞ **Hình thức kế toán chứng từ ghi sổ**

- *Nguyên tắc, đặc trưng cơ bản:*
  - Căn cứ vào chứng từ gốc sau khi đã kiểm tra, lập chứng từ ghi sổ. Riêng chứng từ tiền mặt ghi sổ quỹ xong phải kèm theo báo cáo quỹ căn cứ báo cáo quỹ để lập chứng từ ghi sổ.
  - Các nghiệp vụ cần hạch toán chi tiết đồng thời phải căn cứ vào các chứng từ gốc để ghi vào sổ chi tiết.
  - Chứng từ ghi sổ khi lập xong phải đăng ký sổ đăng ký chứng từ ghi sổ theo thứ tự thời gian. Số của chứng từ ghi sổ cũng là số thứ tự trong sổ đăng ký chứng từ ghi sổ.
  - Cuối tháng căn cứ vào sổ cái lập bảng cân đối số phát sinh các tài khoản. Căn cứ vào sổ chi tiết lập bảng tổng hợp chi tiết.
  - Căn cứ vào bảng cân đối số phát sinh, bảng tổng hợp chi tiết để lập báo cáo tài chính.
- *Các loại sổ kế toán chủ yếu:*
  - Chứng từ ghi sổ .
  - Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ.
  - Sổ cái
  - Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.

**Sơ đồ 1.12: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức chứng từ ghi sổ**



Ghi chú:

- : Ghi hàng ngày
- ==> : Ghi cuối tháng
- ←- - -> : Đối chiếu số liệu cuối kỳ.

## **CHƯƠNG 2**

### **THỰC TẾ TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH TRUNG ĐỨC**



#### **2.1. TỔNG QUAN VỀ CÔNG TY TNHH TRUNG ĐỨC**

*Tên doanh nghiệp* : Công ty TNHH TRUNG ĐỨC  
*Tên giao dịch tiếng anh* : TRUNG DUC COMPANY - LIMITED  
*Tên viết tắt* : TRUNG DUC CO., LTD  
*Địa chỉ* : 263B Trần Nguyên Hãn, phường niệm nghĩa. Quận Lê  
Chân, Thành phố Hải Phòng  
*ĐT* : 0313.78.1473  
*Fax* : 0313.856.281  
*Vốn điều lệ* : 6.000.000.000đ

##### **2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển**

Công ty TNHH Trung Đức được thành lập lần đầu vào ngày 07/12/1995. Và đăng ký thay đổi lần thứ hai vào ngày 03/08/2005 theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh Công ty trách nhiệm hữu hạn có hai thành viên trở lên số 052250 của phòng Đăng ký kinh doanh thuộc sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hải Phòng.

Lúc mới thành lập, hoạt động kinh doanh của công ty chủ yếu là bán buôn, bán lẻ, lượng hàng tiêu thụ ít khoảng 70.000 tấn/ năm, chủ yếu lấy lại của các đại lý khác và lượng phương tiện vận tải cũng nhỏ 4 xe và 1 tàu. Những năm sau đó nhu cầu của thị trường tăng do uy tín của công ty với khách hàng nên lượng hàng tiêu thụ hàng năm tăng lên, trung bình mỗi năm tăng 10 – 15% so với năm trước.

Năm 2000 công ty đã ký hợp đồng với nhà máy xi măng Hải Phòng, năm 2003 ký hợp đồng với nhà máy Chinfon. Để đáp ứng được nhu cầu trên thị trường, lượng phương tiện vận tải cũng tăng lên, trung bình mỗi năm tăng từ 4 – 5 xe, cho đến nay công ty hiện có 22 xe vận tải và 11 tàu chở hàng. Số vốn điều lệ của công ty cũng tăng lên, lúc mới thành lập là 6 tỷ đồng khi đăng ký thay đổi lần 2 số vốn đã tăng lên là 8,5 tỷ đồng. Trong đó Bà Mạc Thị Hòa – Giám đốc công ty góp 3.240.000.000 đồng chiếm 54 % trong tổng số vốn, Ông Phạm Sinh Duyên – Phó giám đốc với giá trị vốn góp là 1.260.000.000 đồng chiếm 21% trong tổng số vốn.

Và một bước tiến quan trọng đánh dấu sự trưởng thành và lớn mạnh của công ty từ ngày thành lập tới nay năm nào công ty TNHH Trung Đức cũng được cấp giấy chứng nhận thành tích của công ty đã đạt được. Đặc biệt giành được giải thưởng rồng vàng năm 2002 về sản phẩm được người tiêu dùng Việt Nam ưa chuộng về chất lượng và giá cả, được sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hải Phòng tặng huân chương là nhà phân phối xuất sắc bốn năm liền từ năm 2003 đến năm 2006. Năm 2007 đạt danh hiệu nhà đầu tư chiến lược và phân phối sản phẩm.

### **2.1.2. Chức năng, ngành nghề kinh doanh**

Là một Công ty chuyên cung cấp xi măng cho các đại lý trong và ngoài tỉnh.

Ngành nghề kinh doanh của công ty :

- Kinh doanh vật liệu xây dựng, vật tư.
- Vận tải và dịch vụ vận tải hàng hoá thuỷ bộ.
- Dịch vụ cho thuê kho bãi, giao nhận hàng hoá.
- Kinh doanh vật tư, máy móc thiết bị các ngành xây dựng, ngành công nghiệp, ngành vận tải.
- Dịch vụ vận tải hành khách.



***Biểu số 2.1: Một số chỉ tiêu tài chính trong 2 năm 2007, 2008***

Chỉ tiêu	Năm 2007	Năm 2008	Đơn vị	Chênh lệch	
				+/-	%
Tổng doanh thu	204.607.353.000	219.526.742.000	Đồng	14.919.389.000	7,29
Tổng giá trị sản lượng	350.000	400.000	Tấn	50.000	14,29
Số lao động	314	450	Người	136	43,3
Nộp ngân sách nhà nước	1.625.320.000	1.824.567.000	Đồng	199.247.000	12,26

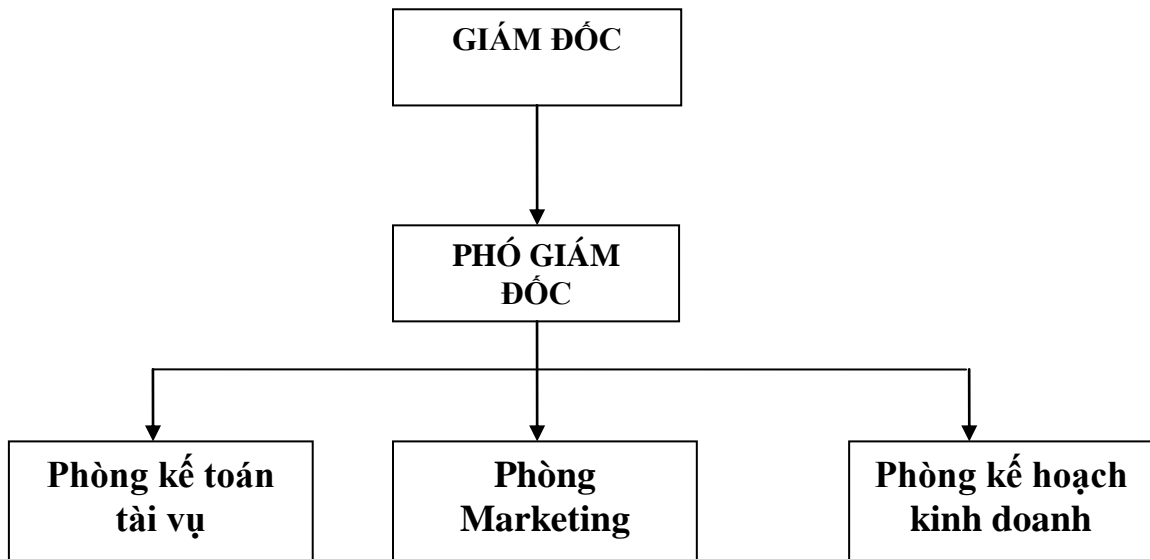
*(Nguồn tài liệu : Trích Báo cáo tài chính năm 2008 )*

**Nhận xét** : Nhìn vào bảng kết quả kinh doanh của công ty qua 2 năm ta thấy

- Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ năm 2008 tăng **14.919.389.000 đ** tương đương với tỷ lệ **7,029%**, sản lượng tăng **50.000 tấn** tương đương với tỷ lệ **14,29%** so với năm 2007 có được điều này là do công ty đã mở rộng quy mô hoạt động kinh doanh, gia tăng khách hàng do công ty làm ăn có uy tín...
- Tổng giá trị sản lượng tăng kéo theo số lao động tăng để đáp ứng đầy đủ cho công việc vận chuyển, bốc dỡ hàng hóa điều này đã tạo ra việc làm và thu nhập cho một số không nhỏ lao động thất nghiệp trong xã hội.
- Khoản nộp ngân sách Nhà Nước năm 2008 so với năm 2007 tăng **199.247.000 đ** tương đương với tỷ lệ **12,26%** .
- Từ kết quả trên đã nói lên sự cố gắng của công ty trong tổ chức hoạt động kinh doanh. Trên đà này, cùng với xu hướng phát triển của nền kinh tế sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho công ty thúc đẩy hoạt động kinh doanh đem lại hiệu quả cao, tạo dựng thương hiệu và ngày càng phát triển ổn định.

### 2.1.3. Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý

Sơ đồ 2.1. Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của công ty.



Các phòng ban đội trực thuộc công ty do giám đốc công ty ra quyết định thành lập hoặc giải thể, quyết định bổ nhiệm hay miễn nhiệm các cán bộ trưởng phó phòng ban. Tùy theo điều kiện đặc điểm yêu cầu của phòng ban trực thuộc công ty, giám đốc có quyền giao cho đơn vị hạch toán theo pháp lệnh kế toán hiện hành.

Công ty gồm có 4 phòng ban. Chức năng của các phòng ban như sau:

\* **Giám đốc:** Là người có quyền cao nhất điều hành mọi hoạt động của công ty, chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước uỷ ban nhân dân thành phố Hải Phòng.

\* **Phó giám đốc:** Là người giúp việc cho giám đốc, thay mặt cho giám đốc giải quyết các công việc khi giám đốc đi vắng, trực tiếp điều hành và chịu trách nhiệm trước giám đốc và các hoạt động liên quan mà mình phụ trách.

\* **Phòng kế toán tài vụ:**

Tham mưu giúp việc giám đốc thực hiện các chế độ kế toán nhà máy hiện hành, quản lý toàn bộ vốn, tài sản của công ty.

- Xây dựng và thu chi vụ tháng, quý, năm.
- Theo dõi quá trình tiêu thụ hàng hoá.
- Kiểm tra giám sát chi tiêu tài chính.

- Hạch toán kế toán kết quả của sản xuất kinh doanh dịch vụ.
- Giúp giám đốc phân tích kết quả sản xuất kinh doanh dịch vụ tháng, quý, năm.

**\* Phòng Marketing:**

Là công ty thương mại và dịch vụ. Phòng Marketing chiếm vai trò rất quan trọng. Phòng có nhiệm vụ theo dõi việc thực hiện mua bán vật tư, hàng hoá đầu vào, bán ra và làm công tác thông tin quảng cáo tiếp thị, giới thiệu sản phẩm. Tìm thêm thị trường mới cho công ty, đi xem nhu cầu của mỗi khu vực, giúp công ty mở rộng kinh doanh trong khu vực.

**\* Phòng kế toán kinh doanh:**

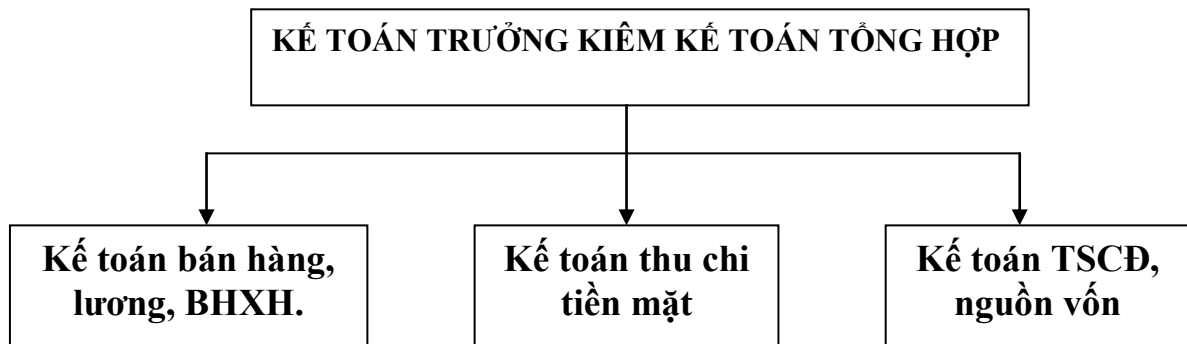
- Tham mưu giúp giám đốc xây dựng kế hoạch ngắn hạn, trung hạn, dài hạn.
- Tham mưu giúp giám đốc giao kế hoạch tháng, quý, năm kiểm tra đơn đốc các đơn vị thực hiện tốt kế hoạch được giao.
- Tham mưu giúp giám đốc soạn thảo các hợp đồng kinh tế theo đúng nội dung của pháp lệnh hợp đồng kinh tế và theo quy định của nhà nước. Trình giám đốc phê duyệt, đồng thời giúp giám đốc giám sát quá trình thực hiện hợp đồng và đề xuất với giám đốc những biện pháp giải quyết những vướng mắc trong quá trình thực hiện hợp đồng.

**2.1.4. Đặc điểm tổ chức công tác kế toán**

***a) Tổ chức bộ máy kế toán tại công ty.***

Là một đơn vị hạch toán độc lập, có tư cách pháp nhân, công ty ký hợp đồng mua xi măng với các tổ chức, xí nghiệp quốc doanh, công ty xi măng CHINFON Hải Phòng và bán cho các tổ chức, các công ty, các đại lý trên địa bàn và các tỉnh lân cận, được mở tài khoản tại ngân hàng và vay ngân hàng để đảm bảo đủ vốn cho hoạt động kinh doanh. Trong điều kiện nền kinh tế thị trường bộ máy kế toán của công ty được sắp xếp gọn nhẹ phù hợp với tình hình chung.

**Sơ đồ 2.2. Cơ cấu tổ chức bộ máy kế toán của công ty.**



Phòng có nhiệm vụ: Tổ chức quản lý mọi mặt hoạt động của phòng cũng như các hoạt động khác của công ty liên quan tới công tác tài chính, kế toán như: Tổng hợp thu chi, công nợ, giá thành, hạch toán sử dụng nguồn vốn, quản lý tiền mặt, ngân phiếu thanh toán.

**\* Kế toán trưởng kiêm kế toán tổng hợp:**

Chịu trách nhiệm chung kiêm kế toán tổng hợp, lập báo cáo kế toán, theo dõi, điều hoà tình hình tài chính của công ty và các đơn vị trực thuộc đồng thời theo dõi các quỹ trong doanh nghiệp.

- Chuyên kê khai thuế, lập các báo cáo thuế, theo dõi tạm ứng, TSCĐ và phân bổ khấu hao của các loại tài sản.

**\* Kế toán thu chi tiền mặt:**

Viết phiếu thu, phiếu chi khi nhận được hoá đơn chứng từ hợp lệ từ đơn vị gửi lên và trực tiếp từ khách hàng của công ty. Theo dõi các khoản công nợ của khách hàng lên các sổ.

**\* Kế toán TSCĐ, nguồn vốn.**

Theo dõi nguồn vốn, lập các bảng phân bổ TSCĐ, khấu hao TSCĐ của công ty để lập bảng quyết toán chi phí sản xuất kinh doanh.

**b) Đặc điểm chế độ kế toán áp dụng tại công ty.**

Công ty TNHH Trung Đức là một công ty hạch toán kinh tế độc lập, căn cứ vào điều kiện thực tế về tổ chức kinh doanh, trình độ chuyên môn và khả năng vận

dụng của nhân viên kế toán, công ty đã thống nhất áp dụng hình thức tổ chức sổ kế toán là “ chứng từ ghi sổ “.

Công tác kế toán của công ty thực hiện đúng theo những quy định mà nhà nước ban hành về chế độ kế toán cụ thể :

- ✓ Hệ thống chứng từ và tài khoản kế toán của công ty áp dụng theo chuẩn mực kế toán mới ban hành theo quyết định 15/2006/QĐBTC ngày 20/3/2006 của bộ trưởng bộ tài chính.
- ✓ Niên độ kế toán tại đơn vị : Từ ngày 01/01 đến 31/12.
- ✓ Phương pháp nộp thuế GTGT : Phương pháp khấu trừ thuế.
- ✓ Phương pháp khấu hao TSCĐ : Theo phương pháp tính khấu hao đều.
- ✓ Phương pháp tính giá vốn thực tế hàng xuất kho : Phương pháp bình quân cả kỳ dự trữ.
- ✓ Phương pháp hạch toán hàng tồn kho : Theo phương pháp kê khai thường xuyên

Sổ sách sử dụng : Chứng từ ghi sổ, sổ cái tài khoản...

## **2.2. THỰC TẾ TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH TRUNG ĐỨC.**

Là một doanh nghiệp thương mại dịch vụ, công ty TNHH Trung Đức không có chi phí sản xuất và doanh thu của công ty chủ yếu là doanh thu từ phân phối xi măng cho các đại lý trong và ngoài tỉnh...

### **2.2.1. Kế toán doanh thu, thu nhập.**

#### *2.2.1.1. Đặc điểm doanh thu của công ty*

Công ty TNHH Trung Đức là một công ty thương mại kinh doanh dịch vụ, doanh thu của công ty từ nhiều nguồn khác nhau và được chia thành 2 mảng chính : Doanh thu bán hàng và doanh thu cung cấp dịch vụ.

✓ DOANH THU BÁN HÀNG : Công ty thực hiện phương thức tiêu thụ hàng hoá như một đại lý bán buôn và bán lẻ. Các loại hàng hoá công ty kinh doanh chủ yếu là các hàng hoá phục vụ trong ngành xây dựng, giao thông vận tải như: mua bán vật tư, vật liệu xây dựng; vận tải hành khách đường bộ, đường thủy .... Doanh thu từ hoạt động kinh doanh này chiếm tỷ trọng lớn nhất trong tổng doanh thu của công ty. Cụ thể:

✓ DOANH THU CUNG CẤP DỊCH VỤ: Mảng kinh doanh này bao gồm các hoạt động dịch vụ kho bãi, xuất nhập khẩu hàng hóa, trang trí nội ngoại thất.... Doanh thu từ mảng kinh doanh này chỉ chiếm khoảng 15% tổng doanh thu của công ty, nhưng đây lại là mảng hoạt động kinh doanh đang được công ty chú trọng phát triển. Hàng năm lợi nhuận từ hoạt động cung cấp dịch vụ này cũng đóng góp không nhỏ vào tổng doanh thu.

#### *2.2.1.2. Tài khoản, chứng từ sử dụng*

✓ *Chứng từ sử dụng:* Công ty TNHH Trung Đức là một doanh nghiệp thuộc đối tượng nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ thuế. Do đó chứng từ gốc được công ty chủ yếu sử dụng trong kế toán doanh thu bán hàng là hóa đơn GTGT hóa đơn được lập thành 3 liên:

+Liên 1: Màu tím lưu lại phòng kế toán ở quyền hóa đơn

+Liên 2: Màu đỏ giao cho khách hàng để lưu chuyển hàng hóa.

+Liên 3: Màu xanh lưu hành nội bộ dùng để thanh toán

Ngoài ra chứng từ kế toán doanh thu bán hàng còn có : phiếu xuất kho, phiếu thu, séc chuyển khoản, séc thanh toán, ủy nhiệm thu, giấy báo có của ngân hàng...

✓ *Tài khoản sử dụng:* TK 511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ .

#### *2.2.1.3. Phương pháp hạch toán*

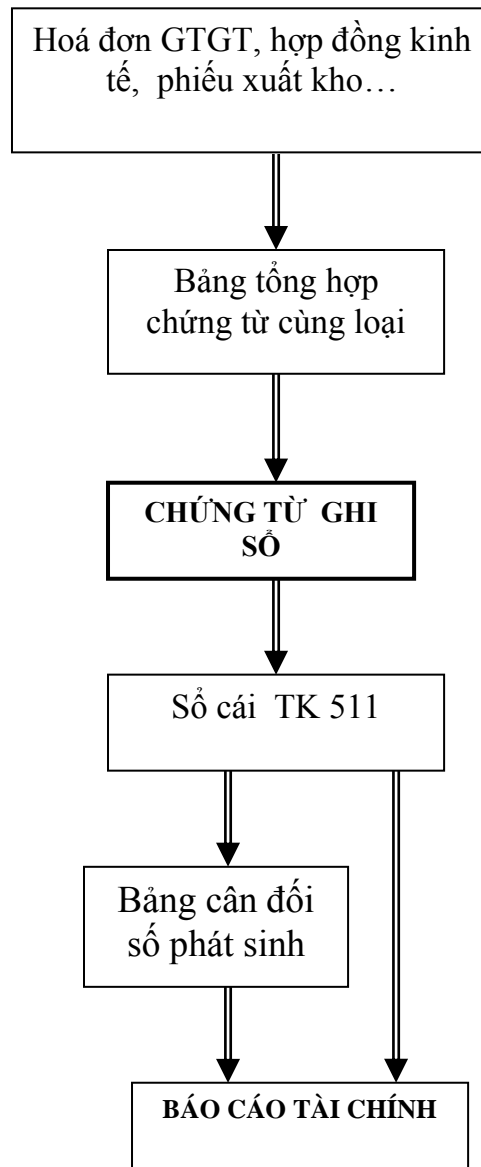
- Khi bán hàng hình thức thanh toán do hai bên tự thỏa thuận nếu thanh toán ngay thì kế toán lập phiếu thu, nếu thanh toán bằng

chuyển khoản thì lập ủy nhiệm thu, ngoài ra những khách hàng quen thuộc của công ty chấp nhận có thể bán chịu cho khách hàng.

- Cơ sở để ghi vào chứng từ ghi sổ là các hóa đơn GTGT, phiếu thu tiền mặt, giấy báo có của ngân hàng. Cuối kỳ kinh doanh công ty sẽ căn cứ vào chứng từ ghi sổ để phản ánh vào sổ cái TK511. Nếu có các tài khoản giảm trừ liên quan đến nghiệp vụ bán hàng như: giảm giá hàng bán, thuế nhập khẩu phải nộp ...kế toán sẽ dựa vào đó để tính toán doanh thu thuần theo công thức sau:

Doanh thu thuần BH&CCDV = Tổng doanh thu – Các khoản giảm trừ doanh thu.

**Sơ đồ 2.3. Quy trình ghi sổ kế toán doanh thu.**



Ghi chú:

⇒ :Ghi cuối tháng



*2.2.1.4. Ví dụ minh họa*

(1) *Hoá đơn GTGT số 0046613 ngày 19/12/2008, xuất kho 50 tấn xi măng PC30 bán cho Bà Mạc Thị Mái – Tiên Lãng. Đơn giá bán 650.000/tấn.*

*Tổng cộng tiền hàng : 32.500.000 đ*

*Thuế GTGT đầu ra (10%) : 3.250.000 đ*

*Tổng tiền thanh toán : 35.750.000 đ*

*Công ty thanh toán bằng tiền mặt.*

Căn cứ vào HĐGTGT số 0046613 ( biểu 2.2). Viết phiếu thu (biểu 2.3) sau đó kế toán lập báo cáo bán hàng (biểu 2.4) căn cứ vào đó cuối tháng kế toán lập chứng từ ghi sổ (biểu 2.5). Từ chứng từ ghi sổ kế toán vào sổ cái TK 511 (biểu 2.6)

**Biểu số 2.2:**

<b>Hoá đơn</b> <b>Giá trị gia tăng</b> Liên 3:(lưu nội bộ) Ngày 19 tháng 12 năm 2008			Mẫu số:01 GTKT-3LL AL/2008B 0046613		
Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH Trung Đức Địa chỉ: 263B,Trần Nguyên Hãn , Lê chân,HP Số tài khoản:..... Điện thoại:.....MS <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/>					
Họ tên người mua hàng: Mạc Thị Mái Tên đơn vị: Địa chỉ: Tiên lãng-Hải Phòng Số tài khoản:..... Hình thức thanh toán:Tiền Mặt. MS: <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/>					
S T T	Tên hàng hoá,dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Xi măng PC 30 chinfon	Tấn	50	650.000	32.500.000
/					
Cộng tiền hàng:				32.500.000	
Thuế suất GTGT: 10% Tiền thuế GTGT:				3.250.000	
Tổng cộng tiền thanh toán:				35.750.000	
Số tiền viết bằng chữ: Ba mươi lăm triệu,bảy trăm lăm mươi ngàn đồng chẵn					
Người bán hàng (đã ký)		Người mua hàng (Đã ký)		Thủ trưởng đơn vị (đã ký)	

**Biểu số 2.3:**

Đơn vị : Công ty TNHH Trung Đức  
Địa chỉ : số 263B Trần Nguyên Hãn, Lê Chân,  
Hải Phòng

Mẫu số 02 – TT  
QĐ số: 15/2006/QĐ-BTC  
Ngày 20 tháng 3 năm 2006  
Quyển số : 7

**PHIẾU THU**

Số : 97

Ngày 19 tháng 12 năm 2008

Nợ TK 111: 35.750.000

CóTK 511: 32.500.000

Có Tk 3331: 3.250.000

Họ tên người nộp tiền : Bà Mạc Thị Mái

Địa chỉ : Tiên Lãng – Hải Phòng

Lý do nộp : Thu tiền hàng

Số tiền : 35.750.000. (Viết bằng chữ): Ba mươi lăm triệu, bảy trăm lăm mươi ngàn đồng chẵn

Kèm theo 01 chứng từ gốc.

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ) : Ba mươi lăm triệu, bảy trăm lăm mươi ngàn đồng chẵn

Ngày 19 tháng 12 năm 2008

<b>Thủ trưởng đơn vị</b>	<b>Kế toán trưởng</b>	<b>Người lập phiếu</b>	<b>Thủ quỹ</b>	<b>Người nộp</b>
<i>(Ký, họ tên, đóng dấu)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>

+Tỷ giá ngoại tệ (vàng, bạc, đá quý):.....

+Số tiền quy đổi: .....

***Biểu số 2.4*** :Trích báo cáo bán hàng T12/08

Đơn vị : Công ty TNHH Trung Đức

Địa chỉ:263b, Trần Nguyễn Hãn, Lê chân, HP

**BÁO CÁO HÀNG BÁN**

**Tháng 12 năm 2008**

Chứng từ		Tên người mua	Mặt hàng	Đơn giá	Phần xuất bán			Phần thanh toán			
Số HĐ	NT				SL (tấn)	Doanh số chưa VAT	Tổng cộng thanh toán	Tiền hàng đã thanh toán		Tiền hàng chưa thanh toán	
								Doanh số chưa VAT	Thuế GTGT	Doanh số chưa VAT	Thuế GTGT
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
46610	12/12	Nguyễn Văn Ánh	PCB40	690.000	60	41.400.000	45.540.000			41.400.000	4.140.000
46611	14/12	Trần Văn Hiếu	PCB40	690.000	30	20.700.000	22.770.000			20.700.000	2.070.000
46612	16/12	Vũ Thị Mẫn	PCB30	650.000	45	29.250.000	32.175.000	29.250.000	2.925.000		
46613	19/12	Mạc Thị Mái	PCB30	650.000	50	32.500.000	35.750.000	32.500.000	3.250.000		
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
		<b>Tổng</b>				<b>10.124.254.000</b>	<b>11.136.679.400</b>	<b>7.668.002.000</b>	<b>766.800.200</b>	<b>2.456.252.000</b>	<b>245.625.200</b>

Người ghi sổ

(ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)

**Biểu số 2.5 :**

Đơn vị : Công ty TNHH Trung Đức  
Địa chỉ : số 263B Trần Nguyên Hãn, Lê Chân,  
Hải Phòng

Mẫu số S02a – DN  
Ban hành theo QĐ 15/2006/QĐ/BTC  
Ngày 20/3/2006 của BTC

**CHỨNG TỪ GHI SỔ**

Ngày 31 tháng 12 năm 2008

Số 129

Trích yếu	Số hiệu tài khoản		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	112	511	6.253.321.000	
	111	511	1.414.681.000	
	131	511	2.456.252.000	
Cộng			<b>10.124.254.000</b>	

**Người ghi sổ**  
(Ký , ghi rõ họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký , ghi rõ họ tên)

**Biểu số 2.6:**

Đơn vị : Công ty TNHH Trung Đức

Mẫu số S02c1 – DN

Địa chỉ : số 263B Trần Nguyên Hãn, Lê

Ban hành theo QĐ 15/2006/QĐ/BTC

Chân, Hải Phòng

Ngày 20/3/2006 của BTC

**SỔ CÁI**

**TÊN TÀI KHOẢN:** Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tháng 12 năm 2008

ĐVT: Đồng

NTGS	chứng từ ghi số		Diễn Giải	SHTK Đ.U'	Số Tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
1	2	3	4	5	6	7
	.....	.....	.....	.....	.....	.....
31/12	129	31/12	Doanh thu bán hàng tháng 12	112		6.253.321.000
31/12	129a	31/12	Kết chuyển doanh thu	911	10.124.254.000	
			Tổng số phát sinh tháng 12		<b>10.124.254.000</b>	<b>10.124.254.000</b>
	.....	.....	.....	.....	.....	.....

Ngày 31 tháng 12 năm 2008

**Người ghi sổ**

**Kế toán trưởng**

**Giám đốc**

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên, đóng dấu)

## **2.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán**

### *2.2.2.1. Nội dung giá vốn của công ty*

Giá vốn hàng hóa của công ty khi xuất kho được tính theo phương pháp bình quân liên hoàn. Phương pháp này phù hợp với quá trình hoạt động của công ty, đảm bảo tính kịp thời của thông tin kinh tế nhưng khối lượng không nhiều

### *2.2.2.2. Tài khoản, chứng từ sử dụng*

✓ *Chứng từ sử dụng:*

+ Phiếu xuất kho: phiếu xuất kho được viết làm 3 liên:

- 1 liên lưu lại cuống ở phòng kinh doanh tổng hợp
- 1 liên giao cho bộ phận sử dụng.
- 1 liên thủ kho giữ để ghi vào thẻ kho và sau đó gửi lên phòng kế toán tài vụ để kế toán vào đơn giá, thành tiền của hàng xuất kho vào sổ kế toán.

+ Sổ chi tiết hàng hóa.

+ Các chứng từ thanh toán như: Phiếu thu, séc chuyển khoản, séc thanh toán, ủy nhiệm thu, ủy nhiệm chi.

✓ *Tài khoản sử dụng:*

+ Tài khoản 632: Giá vốn hàng bán.

+ Tài khoản 156: Hàng hóa.

### *2.2.2.3. Phương pháp hạch toán*

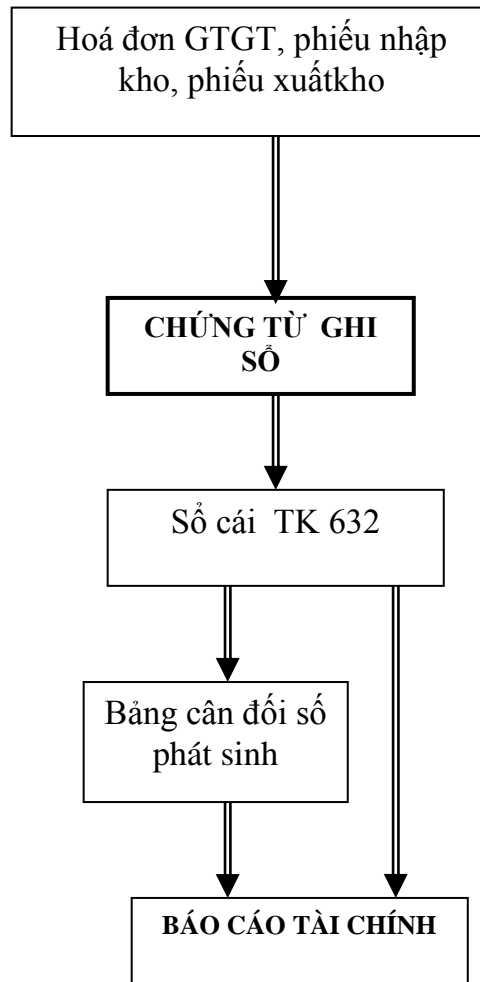
Để theo dõi giá vốn hàng bán chứng từ ban đầu là phiếu xuất kho, khi xuất kho bán hàng thủ kho theo lệnh của giám đốc căn cứ vào số lượng hàng hóa trong kho làm thủ tục xuất kho.

Phiếu xuất kho làm căn cứ để thủ kho ghi vào thẻ kho và kế toán ghi sổ kế toán.

Cuối mỗi tháng kế toán căn cứ vào phiếu xuất kho trong tháng, tiến hành tập hợp, phân loại chứng từ để ghi vào bảng tổng hợp Nhập – Xuất – Tồn.

Cuối tháng tiến hành cộng số và đối chiếu với thẻ kho về mặt số lượng đồng thời lập báo cáo Nhập – Xuất – Tồn hàng tồn kho theo dõi về mặt giá trị của từng loại hàng hóa.

***Sơ đồ 2.4. Quy trình ghi sổ kế toán giá vốn hàng bán.***



Ghi chú:

⇒ :Ghi cuối tháng



**2.2.2.4. Ví dụ minh họa**

*Ngày 12 tháng 12 công ty xuất bán cho công ty thương mại Tuấn Sơn-Hải Phòng 50 tấn xi măng PCB40. Theo giá có thuế là 34.500.000 đ*

Căn cứ vào phiếu xuất kho (biểu số 2.7), thủ kho ghi vào thẻ kho (biểu số 2.8). Căn cứ vào phiếu xuất kho kế toán hàng tồn kho ghi vào sổ chi tiết. Cuối tháng khi nhận được chứng từ xuất kế toán tiến hành tổng hợp phiếu xuất kho và lập chứng từ ghi sổ (biểu số 2.9), và ghi sổ cái TK 632 (biểu số 2.10)

**Biểu số 2.7:**

Đơn vị : Công ty TNHH Trung Đức  
Địa chỉ : số 263B Trần Nguyên Hãn, Lê  
Chân, Hải Phòng

Theo QĐ:15/2006/QĐ-BTC  
Ngày 20/3/2006  
Của Bộ Trưởng Bộ Tài chính

**PHIẾU XUẤT KHO**

Ngày 12 tháng 12 năm 2008

Số:97

Nợ TK 632:

Có TK 156:

- Họ tên người nhận hàng : Công ty thương mại Tuấn Sơn
- Lý do xuất bán : Bán hàng
- Xuất tại kho : Công ty TNHH Trung Đức

ST T	Tên nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất, vật tư (hàng hoá)	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Theo chứng từ	Thực xuất		
<b>A</b>	<b>B</b>	<b>C</b>	<b>D</b>	<b>I</b>	<b>2</b>	<b>3</b>	<b>4</b>
	Xi măng PCB 40 Chinfon		tấn	50	50	690.000	34.500.000
	<b>Cộng tiền hàng</b>						<b>34.500.000</b>

Tổng số tiền (viết bằng chữ):.....

Số chứng từ gốc kèm theo:.....

*Xuất, ngày 12 tháng 12 năm 2008.*

<b>Người lập phiếu</b> (Ký, ghi rõ họ tên)	<b>Người nhận hàng</b> (Ký, ghi rõ họ tên)	<b>Kế toán trưởng</b> (Ký, ghi rõ họ tên)	<b>Thủ trưởng đơn vị</b> (Ký, ghi rõ họ tên)
---	---	--	---

Biểu số 2.8:

**THẺ KHO**

Tháng 12 năm 2008

- Kho : Công ty TNHH Trung Đức

- Tên hàng hoá : Xi măng PCB 40 Chinfon.

- Đơn vị tính: tấn

Số TT	Chứng từ		Diễn giải	Ngày N-X	Số lượng			Ký xác nhận
	SH	Ngày			Nhập	Xuất	Tồn	
			Tồn đầu tháng 12				<b>200</b>	
	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	
	95	09/12	Xuất	09/12		50	50	
	29	06/12	Nhập	06/12	200		250	
	96	10/12	Xuất	10/12		40	210	
	97	12/12	Xuất	12/12		50	110	
	30	12/12	Nhập	12/12	100		210	
		.....	.....	.....	.....	.....	.....	
			<b>Tổng cộng</b>		<b>500</b>	<b>460</b>		
			<b>Tổng cuối tháng</b>				<b>240</b>	

**Biểu số 2.9:**

Đơn vị : Công ty TNHH Trung Đức  
Địa chỉ : số 263B Trần Nguyên Hãn, Lê Chân,  
Hải Phòng

Mẫu số S02a – DN  
Ban hành theo QĐ 15/2006/QĐ/BTC  
Ngày 20/3/2006 của BTC

**CHỨNG TỪ GHI SỔ**

Ngày 31 tháng 12 năm 2008

Số 132

Trích yếu	Số hiệu tài khoản		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Tổng Giá vốn xi măng của T12	632	156	9.415.061.000	
<b>Tổng</b>			<b>9.415.061.000</b>	

**Người ghi sổ**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Biểu số 2.10 : Trích sổ cái TK 632 năm 2008**

Đơn vị : Công ty TNHH Trung Đức

**SỔ CÁI**

**TÊN TÀI KHOẢN:** Giá vốn hàng bán

Tháng 12 năm 2008 ĐVT: Đồng

NTGS	chứng từ ghi sổ		Diễn Giải	SHTK Đ.Ư	Số Tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
1	2	3	4	5	6	7
31/12	132	31/12	Giá vốn hàng hóa xuất bán tháng 12	156	9.415.061.000	
31/12	132a	31/12	Xác định kết quả kinh doanh	911		9.415.061.000
			Tổng số phát sinh tháng 12		<b>9.415.061.000</b>	<b>9.415.061.000</b>
	.....	.....	.....	.....	.....	.....

Ngày 31 tháng 12 năm 2008

**Người ghi sổ**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

### **2.2.3. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp**

#### *2.2.3.1. Nội dung chi phí quản lý doanh nghiệp của công ty*

Chi phí quản lý doanh nghiệp là các chi phí liên quan đến toàn bộ hoạt động quản lý chung của doanh nghiệp. Nội dung của chi phí quản lý doanh nghiệp gồm chi phí vật liệu quản lý, đồ dùng văn phòng, khấu hao tài sản cố định phục vụ quản lý và các chi phí khác bằng tiền phục vụ cho công tác quản lý doanh nghiệp... Chi phí lương của cán bộ quản lý công ty không theo dõi trên tài khoản này.

Chi phí quản lý của công ty bao gồm:

- Chi phí nhân viên: lương và các khoản phải trích theo lương
- Chi phí đồ dùng văn phòng: bàn, ghế, tủ, văn phòng phẩm
- Chi phí khấu hao tài sản cố định
- Chi phí dịch vụ mua ngoài
- Các khoản chi phí khác....

#### *2.2.3.2. Tài khoản và chứng từ sử dụng*

✓ *Tài khoản sử dụng*: Để theo dõi chi phí quản lý doanh nghiệp kế toán sử dụng TK 642 “chi phí quản lý doanh nghiệp”.

✓ *Chứng từ sử dụng*:

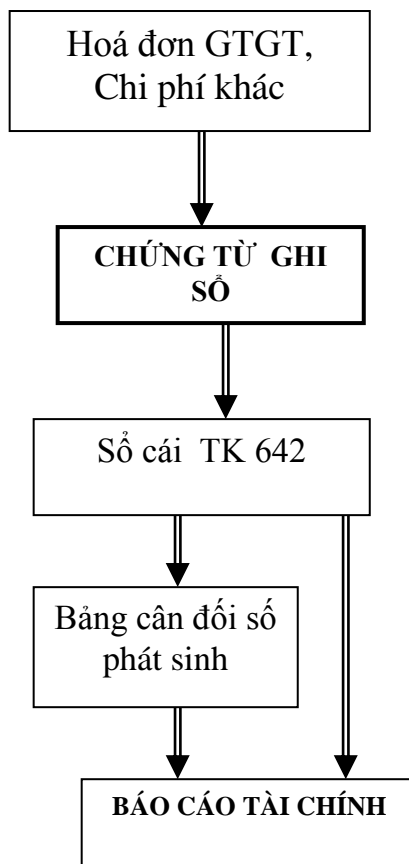
+ Các chứng từ thanh toán như: Phiếu chi, phiếu thu, giấy đề nghị thanh toán, giấy thanh toán tiền tạm ứng...

+ Bảng thanh toán lương, bảng phân bổ tiền lương, bảng trích khấu hao

#### *2.2.3.3. Phương pháp hạch toán.*

Hàng ngày căn cứ vào các khoản chi phí phát sinh liên quan đến hoạt động chung của công ty được quy định là chi phí quản lý doanh nghiệp, kế toán tiến hành định khoản, cuối tháng lập chứng từ ghi sổ, sau đó vào sổ cái TK642

**Sơ đồ 2.4. Quy trình ghi sổ kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp.**



Ghi chú:

⇒ :Ghi cuối tháng

**2.2.3.4. Ví dụ minh họa**

- Hạch toán tiền lương tháng 12/2008

+ Xuất quỹ trả lương cán bộ công nhân viên T12/2008

Nợ TK 334:18.900.000

Có TK 111: 18.900.000

+ Kết chuyển chi phí lương T12/2008 sang chi phí quản lý doanh nghiệp.

Nợ TK 642:18.900.000

Có TK 334: 18.900.000

- Hạch toán chi phí đồ dùng văn phòng phẩm.

+ Căn cứ vào phiếu chi kèm theo hóa đơn kế toán ghi:

Nợ TK 642: 3.230.000

Nợ TK 133: 323.000

Có TK111: 3.553.000.

- Hạch toán chi phí khấu hao tài sản cố định ở bộ phận quản lý doanh nghiệp.

Nợ TK642:3000.000

Có TK 214:3000.000

---

**Biểu số 2.11:**

Đơn vị : Công ty TNHH Trung Đức  
Địa chỉ :số 263B Trần Nguyễn Hãn,Lê  
Chân, Hải Phòng

Mẫu số 02 – TT  
QĐ số: 15/2006/QĐ-BTC  
Ngày 20 tháng 3 năm 2006  
Quyển số : 07

**PHIẾU CHI**

Ngày 31 tháng 12 năm 2008                      Số:113

Nợ TK 334 : 18.900.000

Có TK 111 : 18.900.000

Họ tên người nhận tiền: Theo bảng lương tháng 12

Địa chỉ: Công ty TNHH Trung Đức

Lý do chi : Thanh toán lương tháng 12 năm 2008

Số tiền: 18.900.000 đ (viết bằng chữ): Mười tám triệu chín trăm ngàn đồng chẵn

Kèm theo 01 hoá đơn                      Chứng từ gốc:

Đã nhận đủ số tiền(viết bằng chữ): Mười tám triệu chín trăm ngàn đồng chẵn

Ngày 31 tháng 12 năm 2008.

<b>Thủ trưởng đơn vị</b>	<b>Kế toán trưởng</b>	<b>Người lập phiếu</b>	<b>Thủ quỹ</b>	<b>Người nộp</b>
(Ký, họ tên, đóng dấu)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)

+Tỷ giá ngoại tệ (vàng, bạc, đá quý):.....

+Số tiền quy đổi:.....

**Biểu số 2.12:**

Đơn vị : Công ty TNHH Trung Đức  
Địa chỉ :số 263B Trần Nguyên Hãn,Lê  
Chân, Hải Phòng

Mẫu số 02 – TT  
QĐ số: 15/2006/QĐ-BTC  
Ngày 20 tháng 3 năm 2006  
Quyển số : 07

**PHIẾU CHI**

Ngày 17 tháng 12 năm 2008                      Số: 107  
Nợ TK 642: 3.230.000  
Nợ TK 133: 323.000  
Có TK111: 3.553.000

Họ tên người nhận tiền: Trung tâm thiết bị văn phòng

Địa chỉ: 270 – Đà Nẵng – Hải Phòng

Lý do chi : Chi tiền mua văn phòng phẩm

Số tiền: 3.553.000đ (viết bằng chữ). Ba triệu năm trăm lăm mươi ba ngàn đồng chẵn.

Kèm theo 01 hoá đơn                      Chứng từ gốc:

Đã nhận đủ số tiền(viết bằng chữ): Ba triệu năm trăm lăm mươi ba ngàn đồng chẵn.

Ngày 17 tháng 12 năm 2008

<b>Thủ trưởng đơn vị</b>	<b>Kế toán trưởng</b>	<b>Người lập phiếu</b>	<b>Thủ quỹ</b>	<b>Người nộp</b>
(Ký, họ tên, đóng dấu)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)

+Tỷ giá ngoại tệ (vàng, bạc, đá quý):.....

+Số tiền quy đổi:.....



**Biểu số 2.13:**

Đơn vị : Công ty TNHH Trung Đức

**CHỨNG TỪ GHI SỔ**

Ngày 31 tháng 12 năm 2008

Số 139

Trích yếu	Số hiệu tài khoản		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
.....	.....	.....	.....	
Chi phí QLDN	642	111	3.230.000	
	642	334	18.900.000	
	642	214	3000.000	
Cộng			<b>81.796.789</b>	

Người ghi sổ  
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Biểu số 2.14: Trích sổ cái TK 642 năm 2008**

Đơn vị : Công ty TNHH Trung Đức

**SỔ CÁI**

**TÊN TÀI KHOẢN:** Chi phí quản lý doanh nghiệp

Tháng 12 năm 2008

ĐVT: Đồng

NTG S	chứng từ ghi sổ		Diễn Giải	SHTK Đ.U	Số Tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
1	2	3	4	5	6	7
31/12	139	31/12	Chi phí quản lý doanh nghiệp tháng 12	111, 334...	81.796.789	
31/12	139a	31/12	Xác định kết quả kinh doanh	911		81.796.789
			Tổng số phát sinh tháng 12		<b>81.796.789</b>	<b>81.796.789</b>
	.....	.....	.....	.....	.....	.....

Ngày 31 tháng 12 năm 2008

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên, đóng dấu)

## **2.2.4. Kế toán hoạt động tài chính**

### *2.2.4.1. Nội dung hoạt động tài chính của công ty.*

Công ty TNHH Trung Đức chỉ chú trọng vào việc kinh doanh nên trong quá trình hoạt động công ty không tham gia vào hoạt động đầu tư chứng khoán, giao dịch chứng khoán, mặc dù có bán hàng trả sau nhưng không tính lãi.

Công ty chỉ tranh thủ lúc vốn nhàn rỗi thì gửi vào ngân hàng, khách hàng thanh toán bằng chuyển khoản, vay vốn kinh doanh. Vì vậy khoản thu nhập từ hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính chỉ phát sinh từ một khoản là thu lãi từ tiền gửi ngân hàng, đồng thời trả lãi ngân hàng.

### *2.2.4.2. Tài khoản và chứng từ sử dụng*

✓ *Tài khoản sử dụng:*

- Đối với khoản thu từ lãi tiền gửi ngân hàng được kế toán theo dõi và hạch toán trên TK 515 “Doanh thu hoạt động tài chính”
- Đối với khoản trả lãi ngân hàng thì được kế toán theo dõi và hạch toán trên TK 635 “Chi phí hoạt động tài chính”

✓ *Chứng từ sử dụng:*

- Giấy báo nợ, báo có, biên lai hoặc phiếu thu tiền gửi ngân hàng, sao kê tài khoản chi tiết... các chứng từ liên quan hoặc thông báo của ngân hàng về tiền lãi phải trả trong tháng.

### *2.2.4.3. Phương pháp hạch toán:*

Căn cứ vào thông báo nộp tiền kế toán viết phiếu chi, từ giấy báo có, phiếu chi, kế toán lập chứng từ ghi sổ rồi vào sổ cái TK 515, TK635.

### *2.2.4.4. Ví dụ minh họa:*

Ngày 31/12/2008 ngân hàng trả lãi tiền gửi theo giấy báo có (biểu 2.15) kế toán ghi chứng từ ghi sổ (biểu 2.16), từ chứng từ ghi sổ vào sổ cái TK515 (biểu 2.17)

Ngày 31/12/2008 công ty trả lãi ngân hàng số tiền 16.000.000đ kế toán viết phiếu chi 116 từ phiếu chi (biểu 2.18) kế toán ghi chứng từ ghi sổ (biểu 2.19) và sổ cái tài khoản 635 (biểu 2.20).

**Biểu số 2.15:**

**GIAY BAO CO LAI TIEN GUI**

INDOVINABANK  
Chi nhánh Le Chan

Mat tv: 091

TEN DON VI: CÔNG TY TNHH TRUNG DUC  
SO TAI KHOAN:

So cif: 0508452

Tu ngày                      Den ngày                      Lai suat                      Tien lai  
26/12/2008                      31/12/2008                                           4.768.342

**TONG CONG                      12.768.342**  
**Thanh toán vien                      Kiem soat vien                      Truong phong**

---

**Biểu số 2.16:**

Đơn vị : Công ty TNHH Trung Đức

Mẫu số S02a – DN

Địa chỉ : số 263B Trần Nguyên Hãn, Lê  
Chân, Hải Phòng

Ban hành theo QĐ 15/2006/QĐ/BTC

Ngày 20/3/2006 của BTC

**CHỨNG TỪ GHI SỔ**

Ngày 31 tháng 12 năm 2008

Số 133

Trích yếu	Số hiệu tài khoản		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Ngân hàng trả lãi công ty.	112	515	4.768.342	
Cộng			<b>4.768.342</b>	

**Người ghi sổ**  
(Ký , ghi rõ họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký , ghi rõ họ tên)

***Biểu số 2.17:***

Đơn vị : Công ty TNHH Trung Đức

Mẫu số S02c1 – DN

Địa chỉ : số 263B Trần Nguyên Hãn, Lê

Ban hành theo QĐ 15/2006/QĐ/BTC

Chân, Hải Phòng

Ngày 20/3/2006 của BTC

**SỔ CÁI**

**TÊN TÀI KHOẢN:** Doanh thu hoạt động tài chính

Tháng 12 năm 2008

ĐVT: Đồng

NTG S	chứng từ ghi sổ		Diễn Giải	SHTK Đ.U'	Số Tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
1	2	3	4	5	6	7
31/12	133	31/12	Ngân hàng trả lãi cho công ty	112		4.768.342
31/12	133a	31/12	Xác định kết quả kinh doanh	911	4.768.342	
			Tổng số phát sinh tháng 12		<b>4.768.342</b>	<b>4.768.342</b>
	.....	.....	.....	.....	.....	.....

Ngày 31 tháng 12 năm 2008

**Người ghi sổ**

**Kế toán trưởng**

**Giám đốc**

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên, đóng dấu)

**Biểu số 2.18:**

Đơn vị : Công ty TNHH Trung Đức  
Địa chỉ : số 263B Trần Nguyên Hãn, Lê  
Chân, Hải Phòng

Mẫu số 02 – TT  
QĐ số: 15/2006/QĐ-BTC  
Ngày 20 tháng 3 năm 2006  
Quyển số : 07

**PHIẾU CHI**

Ngày 28 tháng 12 năm 2008                      Số: 116

Nợ TK 635: 16.000.000

Có TK111: 16.000.000

Họ tên người nhận tiền: Ngân hàng INDOVINABANK

Địa chỉ: Quận Ngô Quyền – Hải Phòng

Lý do chi : Trả lãi ngân hàng

Số tiền: 16.000.000 (viết bằng chữ). Mười sáu triệu đồng chẵn.

Kèm theo 01 hoá đơn                      Chứng từ gốc:

Đã nhận đủ số tiền(viết bằng chữ): Mười sáu triệu đồng chẵn.

Ngày 28 tháng 12 năm 2008

<b>Thủ trưởng đơn vị</b>	<b>Kế toán trưởng</b>	<b>Người lập phiếu</b>	<b>Thủ quỹ</b>	<b>Người nộp</b>
<i>(Ký, họ tên, đóng dấu)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>

+Tỷ giá ngoại tệ (vàng, bạc, đá quý):.....

+Số tiền quy đổi:.....

**Biểu số 2.19:**

Đơn vị : Công ty TNHH Trung Đức

**CHỨNG TỪ GHI SỔ**

Ngày 31 tháng 12 năm 2008

Số 138

Trích yếu	Số hiệu tài khoản		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Công ty trả lãi ngân hàng	635	111	16.000.000	
Cộng			<b>16.000.000</b>	

Người ghi sổ  
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Biểu số 2.20:**

Đơn vị : Công ty TNHH Trung Đức

Mẫu số S02c1 – DN

Địa chỉ : số 263B Trần Nguyên Hãn, Lê

Ban hành theo QĐ 15/2006/QĐ/BTC

Chân, Hải Phòng

Ngày 20/3/2006 của BTC

**SỔ CÁI**

**TÊN TÀI KHOẢN:** Chi phí hoạt động tài chính

Tháng 12 năm 2008

ĐVT: Đồng

NTG S	chứng từ ghi sổ		Diễn Giải	SHTK Đ.U'	Số Tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
1	2	3	4	5	6	7
31/12	138	31/12	Công ty trả lãi cho ngân hàng	111	16.000.000	
31/12	138a	31/12	Xác định kết quả kinh doanh	911		16.000.000
			Tổng số phát sinh tháng 12		<b>16.000.000</b>	<b>16.000.000</b>
	.....	.....	.....	.....	.....	.....

Ngày 31 tháng 12 năm 2008

Người ghi sổ  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Giám đốc  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

### **2.2.5. Kế toán hoạt động khác**

#### *2.2.5.1. Nội dung:*

Về hoạt động khác đó là hoạt động nhượng bán và thanh lý tài sản, trong năm 2007 hoạt động này của công ty không nhiều. Nội dung của nghiệp vụ kinh tế phát sinh được phản ánh trên tài khoản thu nhập khác và chi phí khác.

#### *2.2.5.2. Tài khoản, chứng từ sử dụng*

✓ *Tài khoản sử dụng:*

- Đối với thu nhập khác được kế toán phản ánh trên tài khoản 711 “Thu nhập khác”.
- Đối với chi phí khác được kế toán phản ánh trên tài khoản 811 “Chi phí khác”

✓ *Chứng từ sử dụng:* Hóa đơn GTGT, phiếu thu, các chứng từ khác.

#### *2.2.5.3. Phương pháp hạch toán:*

Kế toán lập hóa đơn GTGT, căn cứ vào hóa đơn kế toán viết phiếu thu, kế toán tiến hành ghi nhận thu nhập khác và chi phí khác. Từ phiếu thu, hóa đơn GTGT kế toán lập chứng từ ghi sổ, sổ cái TK 711. Căn cứ vào bảng trích khấu hao kế toán lập chứng từ ghi sổ và sổ cái TK811.

#### *2.2.5.4. Ví dụ minh họa:*

*Tháng 12/2007 công ty nhượng bán 1 ô tô KIA 16H-8976 cho công ty TNHH Long Trọng với giá 217.800.000đ công ty Long Trọng đã thanh toán bằng tiền mặt.*



**Biểu số 2.21:**

<b>Hoá đơn</b> <b>Giá trị gia tăng</b> Liên 3:(lưu nội bộ) Ngày 15 tháng 12 năm 2008			Mẫu số:01 GTKT-3LL AL/2008B 0046601		
Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH Trung Đức Địa chỉ: 263B,Trần Nguyễn Hãn , Lê chân,HP Số tài khoản:..... Điện thoại:.....MS: <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/>					
Họ tên người mua hàng: Công ty TNHH Long Trọng Tên đơn vị: Địa chỉ: Đường vòng Cầu Niệm- Hải Phòng Số tài khoản:..... Hình thức thanh toán: Tiền Mặt. MS: <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/>					
S T T	Tên hàng hoá,dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Bán xe ô tô KIA 16H-8976	Chiếc	1	198.000.000	198.000.000
	/				
Cộng tiền hàng:				198.000.000	
Thuế suất GTGT: 10% Tiền thuế GTGT:				19.800.000	
Tổng cộng tiền thanh toán:				217.800.000	
Số tiền viết bằng chữ: Hai trăm mười bảy triệu tám trăm ngàn đồng chẵn.					
Người bán hàng (đã ký)		Người mua hàng (Đã ký)		Thủ trưởng đơn vị (đã ký)	

**Biểu số 2.22:**

Đơn vị : Công ty TNHH Trung Đức  
Địa chỉ : số 263B Trần Nguyên Hãn, Lê  
Chân, Hải Phòng

Mẫu số 01 – TT  
QĐ số: 15/2006/QĐ-BTC  
Ngày 20 tháng 3 năm 2006  
Quyển số : 08

**PHIẾU THU**

Số : 44

Ngày 15 tháng 12 năm 2008

Nợ TK 111: 217.800.000

Có TK 711, 3331: 217.800.000

Họ tên người nộp tiền: Lê Văn Huy

Địa chỉ: Công ty TNHH Long Trọng

Lý do nộp: Trả tiền mua ô tô

Số tiền : 217.800.000

Viết bằng chữ: Hai trăm mười bảy triệu tám trăm ngàn đồng chẵn.

Kèm theo 01 chứng từ gốc.

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): Hai trăm mười bảy triệu tám trăm ngàn đồng chẵn.

Ngày 15 tháng 12 năm 2008

<b>Thủ trưởng đơn vị</b>	<b>Kế toán trưởng</b>	<b>Người lập phiếu</b>	<b>Thủ quỹ</b>	<b>Người nộp</b>
<i>(Ký, họ tên, đóng dấu)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>

+Tỷ giá ngoại tệ (vàng, bạc, đá quý):.....

+Số tiền quy đổi:.....

**Biểu số 2.23:**

Đơn vị : Công ty TNHH Trung Đức

Mẫu số S02a – DN

Địa chỉ :số 263B Trần Nguyên Hãn, Lê  
Chân, Hải Phòng

Ban hành theo QĐ 15/2006/QĐ/BTC

Ngày 20/3/2006 của BTC

**CHỨNG TỪ GHI SỔ**

Ngày 31 tháng 12 năm 2008

Số 136

Trích yếu	Số hiệu tài khoản		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Thu nhập từ bán xe ô tô	111	711	198.000.000	
Cộng			<b>198.000.000</b>	

**Người ghi sổ**

*(Ký , ghi rõ họ tên)*

**Kế toán trưởng**

*(Ký ,ghi rõ họ tên)*

---

**Biểu số 2.24:**

Đơn vị : Công ty TNHH Trung Đức

Mẫu số S02a – DN

Địa chỉ :số 263B Trần Nguyên Hãn, Lê  
Chân, Hải Phòng

Ban hành theo QĐ 15/2006/QĐ/BTC

Ngày 20/3/2006 của BTC

**CHỨNG TỪ GHI SỔ**

Ngày 31 tháng 12 năm 2008

Số 141

Trích yếu	Số hiệu tài khoản		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Giảm nguyên giá TSCĐ	811	211	159.114.537	
Cộng			<b>159.114.537</b>	

**Người ghi sổ**

*(Ký , ghi rõ họ tên)*

**Kế toán trưởng**

*(Ký ,ghi rõ họ tên)*

---

***Biểu số 2.25:***

Đơn vị : Công ty TNHH Trung Đức

Mẫu số S02c1 – DN

Địa chỉ : số 263B Trần Nguyên Hãn, Lê

Ban hành theo QĐ 15/2006/QĐ/BTC

Chân, Hải Phòng

Ngày 20/3/2006 của BTC

**SỔ CÁI**

**TÊN TÀI KHOẢN:** Thu nhập khác

Tháng 12 năm 2008

ĐVT: Đồng

NTG S	chứng từ ghi sổ		Diễn Giải	SHTK Đ.U'	Số Tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
1	2	3	4	5	6	7
31/12	136	31/12	Thu nhập từ bán xe ô tô	111		198.000.000
31/12	136a	31/12	Xác định kết quả kinh doanh	911	198.000.000	
			Tổng số phát sinh tháng 12		<b>198.000.000</b>	<b>198.000.000</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2008

**Người ghi sổ**

**Kế toán trưởng**

**Giám đốc**

*(Ký, họ tên)*

*(Ký, họ tên)*

*(Ký, họ tên, đóng dấu)*



***Biểu số 2.26:***

Đơn vị : Công ty TNHH Trung Đức  
Địa chỉ : số 263B Trần Nguyên Hãn, Lê  
Chân, Hải Phòng

Mẫu số S02c1 – DN  
Ban hành theo QĐ 15/2006/QĐ/BTC  
Ngày 20/3/2006 của BTC

**SỔ CÁI**

**TÊN TÀI KHOẢN:** Chi phí khác

Tháng 12 năm 2008

ĐVT: Đồng

NTG S	chứng từ ghi sổ		Diễn Giải	SHTK Đ.U'	Số Tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
1	2	3	4	5	6	7
31/12	141	31/12	Giảm nguyên giá TSCĐ	111	159.114.537	
31/12	141a	31/12	Xác định kết quả kinh doanh	911		159.114.537
			Tổng số phát sinh tháng 12		<b>159.114.537</b>	<b>159.114.537</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2008

**Người ghi sổ**

*(Ký, họ tên)*

**Kế toán trưởng**

*(Ký, họ tên)*

**Giám đốc**

*(Ký, họ tên, đóng dấu)*

## **2.2.6. Kế toán xác định kết quả kinh doanh.**

### *2.2.6.1. Nội dung:*

Bất cứ một doanh nghiệp nào khi tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh đều phải quan tâm đến hiệu quả, kết quả kinh doanh là kết quả tài chính cuối cùng của doanh nghiệp trong một kỳ nhất định.

### *2.2.6.2: Tài khoản, chứng từ sử dụng:*

- ✓ *Chứng từ sử dụng:* Xác định kết quả hoạt động kinh doanh kế toán sử dụng tài khoản 911 “Xác định kết quả hoạt động kinh doanh”. Tài khoản này dùng để xác định kết quả hoạt động kinh doanh của một doanh nghiệp trong một kỳ kế toán năm. Kết quả hoạt động kinh doanh của một doanh nghiệp gồm: Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, kết quả hoạt động tài chính, kết quả hoạt động khác.
- ✓ *Tài khoản sử dụng:* Tài khoản 515, TK632, TK642, TK515, TK632, TK711, TK811, TK421 “Lợi nhuận chưa phân phối”

### *2.2.6.3: Phương pháp hạch toán:*

Kết quả Kinh doanh thuần = Doanh thu - Giá vốn – Chi phí Quản lý DN + Kết quả Hoạt động TC + Kết quả Hoạt động khác.

### *2.2.6.4: Ví dụ minh họa:*

Tháng 12/2008 kế toán tổng hợp xác định kết quả hoạt động kinh doanh của công ty TNHH Trung Đức thực hiện các bút toán kết chuyển như sau:

- Kết chuyển doanh thu bán hàng :

Nợ TK 511: 10.124.254.000

Có TK 911: 10.124.254.000

- Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính :

Nợ TK 515: 4.768.342

Có TK 911: 4.768.342

- Kết chuyển thu nhập khác :  
    Nợ TK 711:     198.000.000  
        Có TK 911: 198.000.000
  
- Kết chuyển giá vốn hàng bán :  
    Nợ TK 911:     9.415.061.000  
        Có TK 632: 9.415.061.000
  
- Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp:  
    Nợ TK 911:     81.796.789  
        Có TK 642: 81.796.789
  
- Kết chuyển hoạt động tài chính :  
    Nợ TK 911:     16.000.000  
        Có TK 635: 16.000.000
  
- Kết chuyển chi phí khác :  
    Nợ TK 911:     159.114.537  
        Có TK 811: 159.114.537.

Kê toán thực hiện tính kết quả lãi lỗ của toàn bộ hoạt động kinh doanh của công ty:

$$\begin{aligned} \text{Kết quả} &= (10.124.254.000 + 4.768.342 + 198.000.000 - 9.415.061.000 \\ \text{Kinh doanh} &\quad - 81.796.789 - 16.000.000 - 159.114.537) \\ &= \mathbf{655.050.016 \text{ đ}} \end{aligned}$$

Ta thấy kết quả kinh doanh = 655.050.016 đ > 0  $\implies$  Lãi. T12

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp T12: 655.050.016 \* 28% = 183.414.005 đ

- xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp :  
    Nợ TK 821:     183.414.005  
        Có TK 3334: 183.414.005
  
- Kết chuyển thuế thu nhập doanh nghiệp sang TK911 :  
    Nợ TK 911:     183.414.005  
        Có TK 821: 183.414.005



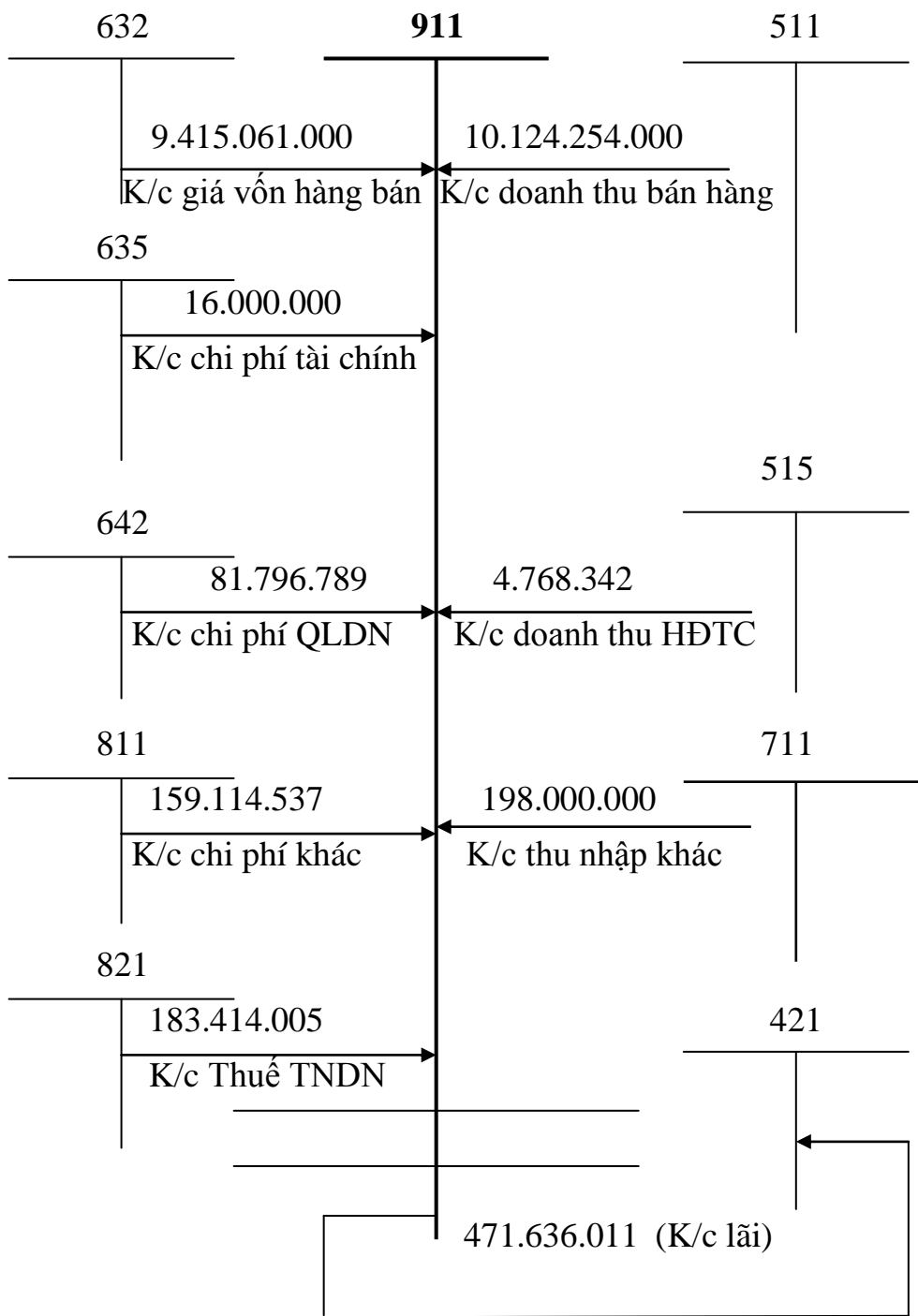
Sau khi tính lãi ( lỗ ), kế toán tổng hợp để kết chuyển doanh thu sang TK421:

Nợ TK 911: 471.636.011

Có TK 421: 471.636.011.

Từ các số liệu trên kế toán ghi vào chứng từ ghi sổ và sổ cái TK911

**Sơ đồ xác định kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh Tháng 12/20008**



**Biểu số 2.27:**

Đơn vị : Công ty TNHH Trung Đức

Mẫu số S02a – DN

Địa chỉ : số 263B Trần Nguyên Hãn, Lê  
Chân, Hải Phòng

Ban hành theo QĐ 15/2006/QĐ/BTC

Ngày 20/3/2006 của BTC

**CHỨNG TỪ GHI SỔ**

Ngày 31 tháng 12 năm 2008

Số 129a

Trích yếu	Số hiệu tài khoản		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Kết chuyển doanh thu bán hàng vào KQHĐKD	511	911	10.124.254.000	
Cộng			<b>10.124.254.000</b>	

**Người ghi sổ**

*(Ký , ghi rõ họ tên)*

**Kế toán trưởng**

*(Ký , ghi rõ họ tên)*

---

**Biểu số 2.28:**

**CHỨNG TỪ GHI SỔ**

Ngày 31 tháng 12 năm 2008

Số 132a

Trích yếu	Số hiệu tài khoản		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Kết chuyển giá vốn vào KQHĐKD	911	632	9.415.061.000	
Cộng			<b>9.415.061.000</b>	

**Người ghi sổ**

*(Ký , ghi rõ họ tên)*

**Kế toán trưởng**

*(Ký , ghi rõ họ tên)*

---

**Biểu số 2.29:**

**CHỨNG TỪ GHI SỔ**

Ngày 31 tháng 12 năm 2008

Số 133a

Trích yếu	Số hiệu tài khoản		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Kết chuyển doanh thu HĐTC vào KQHĐKD	515	911	4.768.342	
Cộng			<b>4.768.342</b>	

**Người ghi sổ**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

---

**Biểu số 2.30:**

**CHỨNG TỪ GHI SỔ**

Ngày 31 tháng 12 năm 2008

Số 136a

Trích yếu	Số hiệu tài khoản		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Kết chuyển thu nhập khác vào KQHĐKD	711	911	198.000.000	
Cộng			<b>198.000.000</b>	

**Người ghi sổ**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Biểu số 2.31:**

**CHỨNG TỪ GHI SỔ**

Ngày 31 tháng 12 năm 2008

Số 138a

Trích yếu	Số hiệu tài khoản		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Kết chuyển chi phí HHĐTC vào KQHĐKD	911	635	16.000.000	
Cộng			<b>16.000.000</b>	

**Người ghi sổ**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

---

**Biểu số 2.32:**

**CHỨNG TỪ GHI SỔ**

Ngày 31 tháng 12 năm 2008

Số 139a

Trích yếu	Số hiệu tài khoản		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Kết chuyển chi phí QLDN vào KQHĐKD	911	642	81.796.789	
Cộng			<b>81.796.789</b>	

**Người ghi sổ**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Biểu số 2.33:**

**CHỨNG TỪ GHI SỔ**

Ngày 31 tháng 12 năm 2008

Số 141a

Trích yếu	Số hiệu tài khoản		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Kết chuyển chi phí khác vào KQHĐKD	911	811	159.114.537	
Cộng			<b>159.114.537</b>	

**Người ghi sổ**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

---

**Biểu số 2.34:**

**CHỨNG TỪ GHI SỔ**

Ngày 31 tháng 12 năm 2008

Số 142

Trích yếu	Số hiệu tài khoản		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Kết chuyển chi phí Thuế TNDN vào KQHĐKD	911	821	183.414.005	
Cộng			<b>183.414.005</b>	

**Người ghi sổ**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Biểu số 2.35:**

**CHỨNG TỪ GHI SỔ**

Ngày 31 tháng 12 năm 2008

Số 143

Trích yếu	Số hiệu tài khoản		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Kết chuyển lãi T12	911	421	471.636.011	
Cộng			<b>471.636.011</b>	

**Người ghi sổ**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

***Biểu số 2.36:***

Đơn vị : Công ty TNHH Trung Đức  
Địa chỉ : số 263B Trần Nguyên Hãn, Lê  
Chân, Hải Phòng

Mẫu số S02c1 – DN  
Ban hành theo QĐ 15/2006/QĐ/BTC  
Ngày 20/3/2006 của BTC

**SỔ CÁI**

**TÊN TÀI KHOẢN:** Xác định kết quả hoạt động kinh doanh

Tháng 12 năm 2008

ĐVT: Đồng

NTG S	chứng từ ghi sổ		Diễn Giải	SHTK Đ.Ư	Số Tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
1	2	3	4	5	6	7
	.....	.....	.....	.....	.....	.....
31/12	129a	31/12	K/c doanh thu bán hàng	511		10.124.524.000
31/12	133a	31/12	K/c doanh thu hoạt động tài chính	515		4.768.342
31/12	136a	31/12	K/c thu nhập khác	711		198.000.000
31/12	132a	31/12	K/c giá vốn hàng bán	632	9.415.061.000	
31/12	138a	31/12	K/c chi phí hoạt động tài chính	635	16.000.000	
31/12	139a	31/12.	K/c chi phí quản lý doanh nghiệp	642	81.796.789	
31/12	141a	31/12	K/c chi phí khác	811	159.114.537	
31/12	142	31/12	K/c thuế thu nhập DN	821	183.414.005	
31/12	143	31/12	K/c lãi tháng 12			471.636.011
			Cộng phát sinh tháng 12		<b>13.908.925.350</b>	<b>13.908.925.350</b>
	.....	.....	.....	.....	.....	.....

Ngày 31 tháng 12 năm 2008

**Người ghi sổ**

(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên)

**Giám đốc**

(Ký, họ tên, đóng dấu)

***Biểu số 37:***

Đơn vị : Công ty TNHH Trung Đức  
Địa chỉ : số 263B Trần Nguyên Hãn, Lê  
Chân, Hải Phòng

Mẫu số S02c1 – DN  
Ban hành theo QĐ 15/2006/QĐ/BTC  
Ngày 20/3/2006 của BTC

**SỔ CÁI**

**TÊN TÀI KHOẢN:** Lợi nhuận chưa phân phối

Tháng 12 năm 2008

ĐVT: Đồng

NTG S	chứng từ ghi sổ		Diễn Giải	SHTK Đ.U'	Số Tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
1	2	3	4	5	6	7
			Số dư đầu tháng 12/2008			<b><u>4.115.353.959</u></b>
31/12	141a	31/12	Kết chuyển lãi T12	911		471.636.011
			Tổng số phát sinh năm 2008			<b>4.586.989.970</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2008

**Người ghi sổ**

*(Ký, họ tên)*

**Kế toán trưởng**

*(Ký, họ tên)*

**Giám đốc**

*(Ký, họ tên, đóng dấu)*



## **CHƯƠNG 3**

### **HOÀN THIỆN CÔNG TÁC TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH TRUNG ĐỨC**



#### **3.1. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN CÔNG TY**

##### **3.1.1. Thuận lợi**

Vốn là thành viên của một công ty có uy tín, nên Cty TNHH Trung Đức cũng có được nền tảng nhất định trong quá trình phát triển. Trong 2 năm qua công ty đã có nhiều cố gắng trong hoạt động kinh doanh, phát triển công ty, xây dựng uy tín trên thị trường.

Hiện nay công ty đã hoàn thành giai đoạn xây dựng cơ bản từ việc xây dựng trụ sở giao dịch, hệ thống nhà kho và mới đây nhất là hoàn thành công trình kho bãi chứa hàng với vốn đầu tư ban đầu trên 5 tỷ đồng. Và dự tính đưa vào hoạt động từ tháng 10 năm 2009. Điều đó tạo điều kiện cho công ty có thể khai thác 100% lợi thế về kho bãi.

Lĩnh vực hoạt động kinh doanh đa dạng như : Đại lý cung cấp xi măng trong và ngoài tỉnh, thiết bị ô tô chuyên dùng, thiết bị máy; vận tải hàng hoá đường bộ; kinh doanh dịch vụ kho bãi chứa hàng hoá; sửa chữa phương tiện vận tải.. .. là những hoạt động kinh doanh chính của công ty do vậy công ty đã đầu tư mạnh để xây dựng các bến bãi, kho chứa hàng và phương tiện vận tải đáp ứng nhu cầu thị trường.

Hiện nay, công ty có 2 kho chứa hàng và 1 bãi điện máy phục vụ việc xếp dỡ hàng hoá, sửa chữa phương tiện vận tải ... Hoạt động của hệ thống kho bãi là nguồn doanh mang lại doanh thu không nhỏ cho công ty.

Với sự cố gắng của công ty trong gần 3 năm qua, công ty đã bước đầu tạo dựng được uy tín của mình trong ngành và đã hợp tác với nhiều công ty lớn. Các nhà cung cấp như: Công ty xi măng Hải Phòng, Công ty xi măng Phúc Sơn.... Khách hàng: là các đại lý xi măng trong và ngoài tỉnh.

Cùng với sự đa dạng của ngành nghề kinh doanh, cơ cấu tổ chức gọn nhẹ, linh hoạt, cơ chế quản lý và điều hành phù hợp, năng động. Đồng thời công ty cũng luôn có sự thay đổi linh hoạt trong cơ chế quản lý, thích ứng với nền kinh tế thị trường.

Đội ngũ quản lý có trình độ , kinh nghiệm, năng động, có tinh thần trách nhiệm, gắn bó với công ty, đoàn kết tạo thành một khối thống nhất.

Ngoài những điều kiện thuận lợi chủ quan, còn phải nhắc đến những điều kiện chủ quan. Đó là những cơ hội nền kinh tế tạo ra :

- Nền kinh tế Việt Nam đang trên đà tăng trưởng khá nhanh và ổn định, tạo cơ hội to lớn để công ty mở rộng quy mô kinh doanh cũng như phạm vi hoạt động kinh doanh.
- Nền kinh tế Việt Nam chính thức bước vào cánh cửa hội nhập, đã tạo ra thế và lực cho các doanh nghiệp Việt Nam, tránh tình trạng bị phân biệt đối xử, và được hưởng những ưu đãi thương mại. Mở ra cơ hội phát triển bền vững cho các doanh nghiệp.
- Nền kinh tế phát triển, hoạt động giao thương hàng hoá diễn ra với cường độ lớn. Nhu cầu lưu thông hàng hoá không chỉ dừng ở phạm vi quốc gia mà mở rộng ra toàn thế giới. Chính vì thế, nhu cầu của thị trường vận tải nội địa cũng như quốc tế và cung ứng các dịch vụ hỗ trợ trong ngành là rất lớn.

### **3.1.2. Khó khăn**

Bất cứ một lĩnh vực hoạt động kinh doanh nào cũng chịu tác động bởi những nhân tố chủ quan và khách quan. Công ty TNHH Trung Đức Là một công ty kinh

doanh thương mại dịch vụ, ngoài những thuận lợi trên công ty cũng gặp không ít khó khăn trong quá trình hoạt động của mình.

Vấn đề quan tâm của nhà quản lý chính là việc tìm đối tác kinh doanh, nắm bắt thị trường và xu thế của nền kinh tế.... đề ra chiến lược kinh doanh và các quyết định tài chính đúng đắn.

Trong những năm gần đây, việc cạnh tranh trên thị trường diễn ra rất gay gắt. Do đó, đây cũng là vấn đề khó khăn mà các nhà quản lý luôn phải tìm mọi biện pháp để nâng cao chất lượng sản phẩm, hàng hoá . Từng bước tạo dựng chỗ đứng trên thị trường .

Việc gia nhập WTO cũng là nguy cơ khi phải cạnh tranh trực tiếp và bình đẳng với các công ty nước ngoài ngay tại thị trường Việt Nam.

Tình hình chính trị trên thế giới có thể bất ổn gây biến động lớn tới giá nhiên liệu đặc biệt là mặt hàng xăng dầu, cũng làm ảnh hưởng lớn tới kết quả hoạt động kinh doanh của công ty.

### **3.1.3. Định hướng phát triển công ty**

❖ *Đối với hoạt động kinh doanh nói chung:*

Từ tháng 03/2008, Công ty tiến hành hoạt động kinh doanh theo đúng chỉ tiêu chất lượng ISO (9001 – 2000) từ khâu quản lý đến hoạt động kinh doanh, cung cấp dịch vụ. Công ty dự định đến hết năm 2008 công ty sẽ hoàn thành được mục tiêu đã đề ra.

❖ *Đối với hoạt động kinh doanh hàng hoá:* Hiện nay các mặt hàng kinh doanh của công ty chủ yếu là xi măng, các vật tư chuyên dùng trong ngành xây dựng, vận tải. Khách hàng của công ty vẫn là những khách hàng truyền thống. Chiến lược của công ty là giữ vững và duy trì tốt các mối quan hệ kinh doanh với khách hàng cũ, mở rộng thị phần tìm kiếm mối quan hệ làm ăn mới. Mục tiêu của công ty mức tăng trưởng sản lượng tiêu thụ bình quân năm từ 3 – 5 %.

❖ *Đối với hoạt động vận tải:* Công ty dự định sẽ đầu tư và tổ chức ra đội xe vận tải và đội tàu vận tải nhằm mở rộng phạm vi hoạt động kinh doanh vận tải. Bởi công ty có hoạt động cho thuê kho chứa và bảo quản hàng hoá. Do đó, việc trang bị cho hoạt động vận tải là rất có tiềm năng. Tận dụng được lợi thế trong ngành.

❖ *Đối với dịch vụ kho bãi:* Xây dựng chiến lược kinh doanh, đảm bảo mục tiêu khai thác 100% lợi thế về kho bãi. Đây là hoạt động chính của công ty, do đó với mục tiêu nâng cao hơn nữa chất lượng dịch vụ cung cấp, tạo dựng thương hiệu và uy tín trong ngành.

❖ *Đối với mô hình quản lý:* Mục tiêu của công ty là tạo ra phương thức quản lý năng động, hiệu quả thúc đẩy sự phát triển của doanh nghiệp cũng như phát huy được các thế mạnh của ngành.

❖ *Về nhận lực:* Sắp xếp lực lượng lao động hợp lý giữa các bộ phận. Tuyển dụng, đào tạo, huấn luyện lao động theo kế hoạch để đáp ứng nhu cầu phát triển đội xe, đội tàu, cũng như sự phát triển của hoạt động kinh doanh của công ty nói chung... và bổ sung cán bộ quản lý giỏi cho các bộ phận, phòng ban. Có chính sách lương, thưởng hợp lý để thu hút nhân tài, khuyến khích người lao động hăng hái làm việc và có tinh thần trách nhiệm cao hơn trong công việc.

Tóm lại, với mục tiêu trước mắt của công ty đó là xây dựng được thương hiệu và uy tín trên thị trường, cùng với đó là phát triển đa dạng ngành nghề kinh doanh, mở rộng phạm vi hoạt động kinh doanh. Để làm được tất cả các việc đó. Công ty đề ra mục tiêu ngày càng nâng cao hơn nữa chất lượng hàng hoá, dịch vụ đáp ứng nhu cầu của nền kinh tế.

## **3.2. NHẬN XÉT ĐÁNH GIÁ:**

### **3.2.1. Những mặt ưu điểm:**

Trong quá trình thực tập và tìm hiểu tình hình thực tế về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty em nhận thấy: Bộ máy quản lý nói chung và bộ phận kế toán nói riêng của công ty TNHH Trung Đức đã không ngừng tìm tòi, hoàn thiện và nâng cao để đáp ứng nhu cầu kinh doanh của công ty.

- ❖ Về bộ máy quản lý: Công ty TNHH Trung Đức đã tổ chức bộ máy kế toán theo hình thức tập chung gọn nhẹ, linh hoạt và rất hiệu quả. Mọi hoạt động của công ty đều do giám đốc trực tiếp điều hành, quản lý.
- ❖ Về bộ máy kế toán của công ty đã đi vào nề nếp, được tổ chức tương đối hoàn chỉnh, phù hợp với hoạt động kinh doanh của công ty.
- ❖ Về tổ chức công tác hạch toán: Công ty áp dụng hình thức tổ chức công tác kế toán tập chung, hình này rất phù hợp với đặc điểm kinh doanh của công ty. Do đó đảm bảo kiểm tra giám sát, đối chiếu số liệu phù hợp. Việc sử dụng và luân chuyển chứng từ của công ty là rất hợp lý, gọn nhẹ đồng thời vẫn đáp ứng được yêu cầu quản lý.
- ❖ Về hình thức kế toán : Công ty đã áp dụng hệ thống kế toán mới do bộ tài chính ban hành vào công tác kế toán. Công ty vận dụng hình thức kế toán chứng từ ghi sổ, hình thức này đảm bảo ghi chép thông tin đầy đủ chi tiết , chính xác kịp thời thuận tiện cho việc kiểm tra.

### **3.2.2. Những mặt hạn chế chung**

Bên cạnh những ưu điểm về bộ máy quản lý, bộ máy kế toán nói chung, công tác xác định doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh nói riêng thì công ty còn một số mặt hạn chế nhất định cần khắc phục.

- ❖ *Về vận dụng tài khoản kế toán:* Hiện nay chi phí quản lý doanh nghiệp của công ty bao gồm toàn bộ chi phí phát sinh trong quá trình kinh doanh. Kế toán không theo dõi tách biệt các khoản chi phí giữa bộ phận bán hàng và bộ phận quản lý doanh nghiệp mà hạch toán chung trên tài khoản 642. Điều này không hợp lý vi phạm quy định về hạch toán kế toán gây khó khăn cho công tác dự toán và kiểm soát chi phí.
- ❖ *Trích lập các khoản dự phòng:* Khách hàng của công ty là những khách hàng thường xuyên mua hàng nhiều lần nhưng lại thanh toán chậm, nợ nhiều dẫn đến tình trạng tồn đọng vốn vậy mà công ty chưa tiến hành trích lập các khoản dự phòng cho khách hàng khó đòi và hàng hóa tồn kho nên không

lượng trước được rủi ro trong kinh doanh. Điều này dễ gây đột biến chi phí kinh doanh, phản ánh sai lệch kết quả kinh doanh, sai nguyên tắc thận trọng trong kế toán.

### **3.3. HOÀN THIỆN CÔNG TÁC TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH.**

#### **3.3.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện**

Mặc dù công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của công ty được tổ chức khá là khoa học và hiệu quả nhưng với mong muốn công tác tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh ngày càng được hoàn thiện hơn, đáp ứng tốt hơn nữa yêu cầu quản lý trong nền kinh tế thị trường.

Hoàn thiện công tác kế toán thì hệ thống chứng từ ban đầu sẽ nâng cao được tính chính xác tạo điều kiện cho kế toán theo dõi được tình hình sản xuất kinh doanh. Việc hoàn thiện góp phần sử dụng đúng tài khoản để phản ánh chính xác các nghiệp vụ kinh tế phát sinh tạo điều kiện cho công tác kiểm tra kế toán.

#### **3.3.2. Một số biện pháp hoàn thiện**

##### ***Thứ nhất : Về hệ thống sổ kế toán***

Hiện nay tại công ty đang sử dụng hình thức chứng từ ghi sổ nhưng chứng từ ghi sổ lại được lập vào cuối tháng, vì thế công việc vào cuối tháng là khá nhiều việc theo dõi các nghiệp vụ không được thường xuyên lên tục nên công ty cần lập chứng từ ghi sổ định kỳ khoản 10 ngày 1 chứng từ ghi sổ thì công việc cuối tháng sẽ giảm bớt.

Hơn nữa mặc dù chứng từ ghi sổ đã được lập nhưng thiếu sổ đăng ký chứng từ ghi sổ, khiến cho việc quản lý các chứng từ không được chặt chẽ, các chứng từ ghi sổ không được sắp xếp thuận lợi cho việc vào sổ cái, khó khăn trong việc kiểm tra. Vì vậy công ty cần mở thêm sổ đăng ký chứng từ ghi sổ . ví đây là sổ kế toán tổng hợp để ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo trình tự thời gian, sổ vừa để đăng ký các nghiệp vụ kinh tế phát sinh vừa quản lý chứng từ ghi sổ, vừa để kiểm tra số liệu với bảng cân đối số phát sinh.

Mẫu sổ đăng ký chứng từ ghi sổ:

**Đơn vị: Công ty TNHH Trung Đức:**

**SỔ ĐĂNG KÝ CHỨNG TỪ GHI SỔ**

Năm 2008

<b>Chứng từ ghi sổ</b>		<b>Số tiền</b>
<b>Số hiệu</b>	<b>Ngày, tháng</b>	
<b>A</b>	<b>B</b>	<b>C</b>
.....	.....	.....
129	31/12	10.124.254.000
132	31/12	9.415.331.000
133	31/12	4.768.342
136	31/12	198.000.000
138	31/12	16.000.000
139	31/12	81.796.789
141	31/12	159.114.537
.....	.....	.....
	<b>Lũy kế tới tháng báo cáo</b>	

**Thứ hai: Về việc sử dụng tài khoản**

Tại công ty TNHH Trung Đức tất cả các khoản chi phí phát sinh đều được tập hợp phản ánh trên tài khoản 642 “chi phí quản lý doanh nghiệp”. Để giải quyết hạn chế trên thì kế toán nên sử dụng tài khoản 641 “chi phí bán hàng” và tài khoản 642 “chi phí quản lý doanh nghiệp”. trong đó những tài khoản chi ở bộ phận bán hàng và các chi phí liên quan trong quá trình tiêu thụ hàng hóa, dịch vụ của đơn vị nên đưa thẳng vào tài khoản 641, những khoản chi phí phát sinh ở bộ phận văn phòng và chi phí quản lý doanh nghiệp nói chung nên đưa thẳng vào tài khoản 642.

Ví dụ: Tiền lương tháng 12/2008 của nhân viên công ty là 18.900.000đ. Trong đó tiền lương của nhân viên bán hàng là 3.500.000đ, tiền lương của cán bộ quản lý và nhân viên công ty là 15.000.000đ.

+ Trước kia kế toán phản ánh nghiệp vụ kết chuyển chi phí lương:

Nợ TK 642: 18.900.000

Có TK 334: 18.900.000

+ Khi mở thêm tài khoản 641 thì kế toán phản ánh:

Nợ TK 642: 15.400.000

Nợ TK 641: 3.500.000

Có TK 334: 18.900.000

**Thứ ba : Về việc áp dụng chiết khấu thanh toán**

Công ty nên áp dụng chính sách chiết khấu thanh toán.

Chiết khấu thanh toán là việc cho khách hàng hưởng một khoản tiền khi khách hàng thanh toán nợ sớm quy định.

Hiện nay, tình hình tài chính của công ty cho thấy rằng khoản “ Nợ phải thu” của công ty đến thời điểm ngày 31/12/2008 là trên 8 tỷ đồng một con số khá lớn. Điều này làm ảnh hưởng lớn tới tình hình quay vòng vốn của công ty. Mặt khác vốn của công ty bị khách hàng chiếm dụng quá nhiều nên công ty phải đi vay vốn để thanh toán với nhà cung cấp.

Để áp dụng chiết khấu thanh toán trước hết công ty cần xây dựng chính sách chiết khấu phù hợp. Căn cứ vào từng khách hàng thanh toán nợ cho công ty là đầu tháng sau trả tiền tháng trước trong vòng 15 ngày , công ty có thể xác định mức chiết khấu theo thời gian, cụ thể

- Nếu khách hàng thanh toán tiền từ ngày mùng 2 – 4 của tháng sau thì được hưởng mức chiết khấu 0.2%
- Nếu khách hàng thanh toán tiền từ ngày mùng 5 – 10 của tháng sau thì được hưởng mức chiết khấu 0.1%

Sau khi xác định được mức chiết khấu hợp lý, công ty cần thực hiện việc ghi chép kế toán thông qua tài khoản 635 “ Chi phí tài chính”.



Hàng tháng, kế toán tổng hợp căn cứ vào chứng từ ghi chép các khoản chiết khấu thanh toán dành cho từng khách hàng để nhập số liệu vào máy theo bút toán:

Nợ TK 635

Có TK 131 – A

***Thứ tư : Về việc lập báo cáo tài chính***

Hiện nay, công ty có lập Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hàng tháng và thông báo tình hình tài chính cũng như hoạt động kinh doanh của công ty trong tháng đó và báo cáo quản trị để gửi lên Ban lãnh đạo công ty, để kịp thời theo dõi đánh giá và có những biện pháp hữu hiệu nhất có thể tăng doanh thu trong thời gian tiếp theo. Đây là một việc làm tốt công ty cần phát huy. Tuy nhiên, hai báo cáo là Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo công ty không lập thường xuyên, có khi không lập. Vì vậy, Ban giám đốc cần xem xét đơn đốc quản lý nhân viên để công việc được thực hiện. Hơn nữa, việc lập đầy đủ hai báo cáo tài chính này cũng rất cần thiết, giúp nhà quản lý nắm bắt rõ hơn về tình hình hoạt động kinh doanh của công ty nói chung, tình hình lưu chuyển nguồn vốn, sự vận động của tài sản.... Từ đó đưa ra những quyết định tài chính đúng đắn để phát triển công ty.

***Thứ năm : Về việc hạch toán doanh thu bán hàng, giá vốn.***

Khi hạch toán doanh thu bán hàng công ty cần hạch toán chi tiết doanh thu bán hàng của từng loại mặt hàng bán ra nhằm giúp công ty nắm được chi tiết từng loại mặt hàng bán ra. Từ đó cấp lãnh đạo có thể đưa ra các chiến lược tiêu thụ như: marketing, tìm kiếm thị trường, tìm kiếm các đối tác, nâng cao chất lượng sản phẩm.

Khi hạch toán giá vốn hàng bán kế toán nên hạch toán chi tiết từng loại xi măng bán ra vì đây chính là mục tiêu so sánh giữa giá vốn hàng bán ra so với giá bán của hàng hóa, làm như vậy thì doanh nghiệp mới kiểm tra được kết quả khâu nhập hàng hóa cho đến khâu tiêu thụ hàng hóa như thế nào để từ đó vạch ra các kế hoạch tiết kiệm chi phí mà vẫn hiệu quả.

Mẫu sổ chi tiết bán hàng

Đơn vị: .....

Địa chỉ:.....

Mẫu số 35-DN

**Sổ chi tiết bán hàng**

Năm:

Tên (hàng hóa): Xi măng PC30 Chinfon.

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Doanh thu			Các khoản tính trừ	
	SH	NT			SL	ĐG	TT	Thuế	Khác
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
.....	...	...	.....	.....	.....	.....	.....	...	...
16/12	46612	16/12	Bán xi măng cho Bà Mẫn - TL	111	45	650.000	29.250.000		
19/12	46613	19/12	Bán xi măng cho Bà Mái - VB	111	50	650.000	32.500.000		
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	....	...
			Cộng PS:						
			- DTT						
			- Giá vốn						
			- Lãi gộp						

Ngày mở sổ:

Ngày...tháng...năm...

Người lập biểu  
(Ký, họ tên)Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)Giám đốc  
(Ký, họ tên)

## KẾT LUẬN

Việc kinh doanh hàng hoá của doanh nghiệp chính là việc doanh nghiệp làm chiếc cầu nối giữa sản xuất và tiêu dùng với mục đích cuối cùng là lợi nhuận. Một doanh nghiệp muốn đạt được lợi nhuận cao cần cố gắng tăng doanh thu bằng cách tăng sản lượng sản phẩm bán ra không những trong thị trường nội địa mà ngay cả thị trường nước ngoài và giảm thiểu chi phí nhưng vẫn không làm giảm chất lượng hàng hoá dịch vụ. Đặc biệt là trong lĩnh vực hoạt động kinh doanh dịch vụ - là một ngành kinh tế mang tính tổng hợp cao, sản phẩm của ngành dịch vụ ngày càng đáp ứng nhu cầu đa dạng và phong phú của người tiêu dùng nhiều hơn. Bởi vậy, trong bối cảnh nền kinh tế hiện nay sự cạnh tranh diễn ra ngày càng quyết liệt, công tác tiêu thụ hàng hoá trở thành vấn đề quan tâm hàng đầu thì việc tổ chức công tác kế toán nói chung và kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng tại công ty TNHH Trung Đức cũng đòi hỏi phải được tổ chức một cách hoàn thiện.

Qua thời gian em được thực tập, thực tế làm việc và tìm hiểu về mô hình cũng như công tác tổ chức hạch toán kế toán tại công ty TNHH Trung Đức và em xin chọn đề tài “ ***Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại công ty TNHH Trung Đức***” cho bài khoá luận tốt nghiệp của mình. Bằng khoá luận tốt nghiệp, em xin đóng góp một vài ý kiến nhỏ bé góp phần hoàn thiện công tác hạch toán kế toán nói riêng và công tác quản lý nói chung.

Tuy nhiên, do vấn đề nghiên cứu này là tổng hợp, phức tạp, khó đánh giá chính xác đòi hỏi người nghiên cứu phải có kiến thức rộng và sử dụng nhiều phương pháp khác nhau trong phân tích. Mặc dù với sự cố gắng nỗ lực của bản thân, nhưng sự hiểu biết còn nằm trong khuôn khổ sách vở, kinh nghiệm thực tế còn hạn chế và thời gian nghiên cứu có hạn nên nội dung của khoá luận không tránh khỏi những thiếu sót. Em rất mong được sự góp ý, chỉ bảo của các thầy cô và

các anh chị trong phòng kế toán tại công ty TNHH Trung Đức để bài luận của em được hoàn thiện hơn.

Cuối cùng, em xin chân thành cảm ơn sự hướng dẫn tận tình của Thạc sĩ Lương Khánh Chi, cảm ơn các anh chị trong phòng kế toán của công ty cùng toàn thể các thầy cô trong Khoa Quản trị kinh doanh và nhà trường đã tạo điều kiện cho em hoàn thành bài khoá luận này.

*Hải phòng, ngày 16 tháng 06 năm 2008*

Sinh viên

**Nguyễn Thị Loan**

**Tài liệu tham khảo**

1. Hệ thống kế toán Việt Nam: Chế độ kế toán doanh nghiệp quyển 1, hệ thống tài khoản kế toán ( NXB thống kê 2006).
2. Hệ thống kế toán Việt Nam: Chế độ kế toán doanh nghiệp quyển 2, báo cáo tài chính, chứng từ, sổ kế toán và sơ đồ kế toán chủ yếu (NXB thống kê 2006).
3. Hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam: Quyển 1 (NXB tài chính – Hà Nội 2006).
4. Kế toán tài chính (áp dụng cho doanh nghiệp Việt Nam) NXB thống kê 2001.

## MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU .....	1
<b><u>CHƯƠNG 1. MỘT SỐ LÝ LUẬN VỀ TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP</u></b> .....	3
<b>1.1. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP</b> .....	3
<b>1.1.1. Sự cần thiết phải tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.</b> .....	3
<b>1.1.2. Nguyên tắc hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh</b> .....	3
<b>1.1.3. Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh</b> .....	14
<b>1.2. NỘI DUNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP.</b> .....	15
<b>1.2.1. Tổ chức kế toán doanh thu và thu nhập</b> .....	15
<b>1.2.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu.</b> .....	24
<b>1.2.3. Tổ chức kế toán chi phí.</b> .....	26
<b>1.2.4. Tổ chức kế toán xác định kết quả kinh doanh</b> .....	41
<b><u>CHƯƠNG 2. THỰC TẾ TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH TRUNG ĐỨC</u></b> .....	47
<b>2.1. TỔNG QUAN VỀ CÔNG TY TNHH TRUNG ĐỨC</b> .....	47
<b>2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển</b> .....	47
<b>2.1.2. Chức năng, ngành nghề kinh doanh.</b> .....	48
<b>2.1.3. Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý</b> .....	50
<b>2.2. THỰC TẾ TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH TRUNG ĐỨC.</b> ....	53

***Khoá luận tốt nghiệp***

---

<b>2.2.1. Kế toán doanh thu, thu nhập.....</b>	<b>53</b>
<b>2.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán.....</b>	<b>63</b>
<b>2.2.3. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp.....</b>	<b>69</b>
<b>2.2.4. Kế toán hoạt động tài chính.....</b>	<b>75</b>
<b>2.2.5. Kế toán hoạt động khác.....</b>	<b>80</b>
<b>2.2.6. Kế toán xác định kết quả kinh doanh.....</b>	<b>87</b>
<b><u>CHƯƠNG 3. HOÀN THIỆN CÔNG TÁC TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH TRUNG ĐỨC.....</u></b>	
<b>3.1. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN CÔNG TY.....</b>	<b>97</b>
<b>3.1.1. Thuận lợi.....</b>	<b>97</b>
<b>3.1.2. Khó khăn.....</b>	<b>98</b>
<b>3.1.3. Định hướng phát triển công ty.....</b>	<b>99</b>
<b>3.2. NHẬN XÉT ĐÁNH GIÁ:.....</b>	<b>100</b>
<b>3.2.1. Những mặt ưu điểm:.....</b>	<b>100</b>
<b>3.2.2. Những mặt hạn chế chung.....</b>	<b>101</b>
<b>3.3. HOÀN THIỆN CÔNG TÁC TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH.....</b>	<b>102</b>
<b>3.3.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện.....</b>	<b>102</b>
<b>3.3.2. Một số biện pháp hoàn thiện.....</b>	<b>102</b>
<b>KẾT LUẬN.....</b>	<b>107</b>